Năm Nhâm-Thân Số 81

Ngày 5 Mars 1932

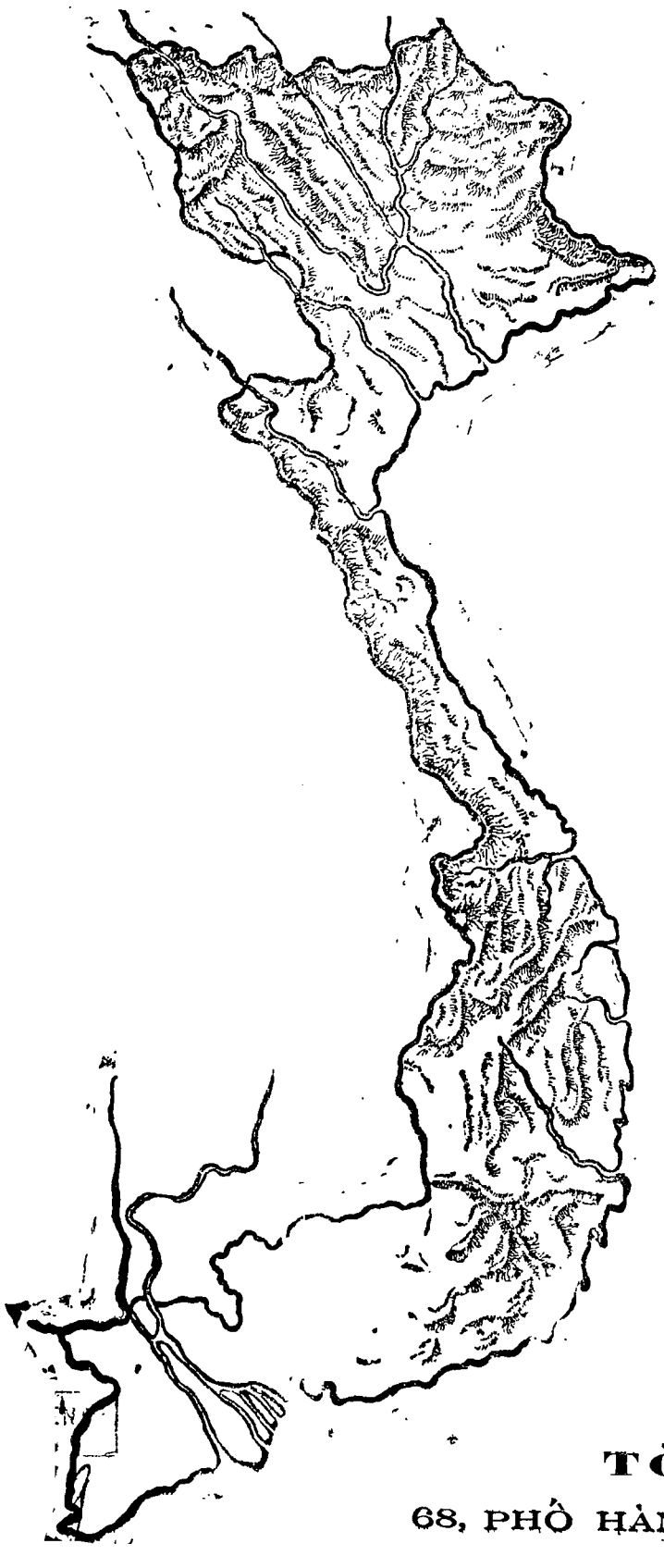
AN NAM

TẠP-CHÍ

XUẤT BẢN NGÀY THỨ BẢY

Directeur : NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

Administrateur : NGÔ-THÚC-ĐỊCH



NHỮNG BÀI ĐĂNG TRONG KỲ NÀY :

Nghĩa-vụ bạn Tân-học đối với Quốc-văn.
Tấm óc người la.

Lư-Thoa tự-thuật.
Trinh-thám nước Đức.
Thế-giới Thời-bình.

Mấy bước đường rừng (Du-ký).
Thơ. — Dịch thơ chữ Hán.
Dịch thơ chữ Pháp. — Câu hát tạp.
Văn Tập-Kiều.

Thời-sự.
Pháp-luật dẫn-giải.
Chương-trình năm năm (xã-hội ba-đào ký).
Đâu có lạ lùng! (Trường-thiên tiểu-thuyết).

GIÁ BÁO

Một năm	5$00
Nửa năm	2, 60
Một số	0, 10

TÒA BÁO

68, PHỐ HÀNG KHOAI – HANOI

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

Khản-cáo

Bản-chí xin có lời cáo để các Ngài có giấy mua năm từ trước biết rằng:

1. — Những Ngài nào mua năm mà đã trả tiền, xin cho biết chỗ ở hiện nay và số tiền đã trả, cùng số báo đã nhận trong khi trước, để Bản-chí được tiện sự gửi tiếp.

2.— Những Ngài nào mua năm mà chưa trả tiền, nếu các Ngài có sẵn lòng mua nữa, cũng xin gửi giấy cho biết, để Bản-chí tiện gửi.

☆☆☆

Thuộc về sự mãi mại, đối với các nhà Đại-lý, Bản-chí xin định tiền hỏa-hồng như sau này:

1. — Các Ngài nhận bán giúp ở các nơi, xin tính trừ hỏa-hồng nhất định là 15%. Bưu-phí về Bản-quán nhận chịu. Mỗi tháng tính tiền giả về một lần.

2— Ngài nào muốn mua buôn hẳn cho tiện, xin tính trừ phần lợi 20%. Bưu-phí về Bản-quán nhận-chịu. Mỗi lần gửi theo lệ **lĩnh-hóa giao-ngân.**

Các ngài có lòng yêu, cho được rộng đường tiêu-thụ Bản-chí lấy làm cám ơn. Xin miễn sự châm-chước hơn kém.

Kính cáo

An-nam Tạp-chí

NGHĨA-VỤ BẠN TÂN-HỌC ĐỐI VỚI QUỐC-VĂN



I

Nước ta chịu ảnh-hưởng văn-minh Âu-châu đã quá nửa thế-kỷ; nước ta có một nền học mà có thể gọi là « nền Tân-học », kể ra có nhẽ cũng đã được mấy mươi năm lẻ. Học mới ấy đối với quốc-văn ta đã có được ảnh-hưởng gì là hay là tốt? Từ trước tới nay quốc-văn của ta, nhờ học mới, đã chấn-chỉnh được chút nào, đã hưng-thịnh hơn xưa được chút nào chưa? Từ nay về sau quốc-văn của ta, có trông vào học mới mà mong sự chấn-chỉnh, mong cơ hưng-thịnh được không?

Mấy câu hỏi ấy bao-quát biết bao nhiêu vấn-đề to tát. Một kẻ hậu-sinh này, học thức nông nổi, tân-cựu dở-dang, há chẳng nên nhường cái đầu-đề ấy cho những nhà học-giả có học-vấn và có tư-tưởng, còn riêng mình thì giữ cái phận « dựa cột mà nghe », họa dần dần sáng chút nào ra chăng?.. Biết vậy, nhưng xin gọi có mấy nhời chỉ làm nhời khai-mạc trước khi các bậc cao-minh sẽ đem vấn-đề ấy ra chốn luận-đàn. Mà có nhẽ cũng cớ ý đánh liều, nhân đây xin thân-oan cho bạn Tân-học! Chúng tôi thường bị trách nhầm rằng: không biết yêu thương tiếng mẹ cha, không biết kính trọng tinh-thần Nam-Việt.

Cứ bình-tĩnh mà nói, cũng có khi lời trách trên kia không phải là nhầm. Quanh mình ta, ta để ý mà xem, không phải là không có nhiều người tuy chưa đến nỗi quên hẳn tiếng An-Nam, nhưng có khi nói câu chuyện bằng tiếng An-Nam thì không nói được cho gẫy-gọn bằng nói tiếng Pháp, viết một cái thơ bằng tiếng An-Nam thì lấy làm lúng-túng khó-khăn bằng mấy viết chữ Pháp, đọc một bài thơ bài văn An-Nam, dẫu trong bài đó không dùng nhiều Hán-tự, cũng lấy làm khó hiểu, mà dẫu có hiểu được đại-ý, cũng lấy làm khó mà lĩnh-hội được một vài phần cái hay trong bài văn bài thơ đó. Ta cũng nên biết rằng: những người có tội với quốc-ngữ, quốc văn, như đã kể trên ấy, chưa chắc đã là người Tân-học; có khi chỉ có cái vỏ Tân-học, mà chung-qui thì thật là « Hán-tự không biết Hán, Tây-tự chẳng biết Tây ». Vì một người có ngồi vài ba năm trên ghế một trường học chữ Tây, sao đã gọi được là một người Tân-học. — Nhưng lấy ngay những người thực có hấp-thụ Âu-học được ít nhiều, trong số ấy ta cũng thấy nhiều người đối với quốc-văn thật là mập-mờ vậy! Ôi! Tân-học đối với quốc-văn có nhẽ vô-duyên chăng?

Không! hiện nay trong cái rừng văn của ta đã thấy có nhiều vẻ mới, vậy mà bảo rằng Tân-học vô-duyên với quốc-văn chả hóa ra phụ công Tân-học lắm sao! Văn-chương Âu-Tây đã gặp nhiều người diễn-giải ra quốc-ngữ, nhân đó được lan rộng ra, được cả những người không phải là Tân-học cũng để ý đến một đôi chút — nhưng, cái công việc « làm thông-ngôn » cho Âu-học ấy, bực sĩ-phu trong áng Tân-học An-Nam còn thua kém các nhà dịch-giả Trung-Hoa nhiều.

Số sách dịch ra chưa được bao nhiêu và cái ảnh-hưởng của những quyển sách dịch ra cũng chưa có bao nhiêu, — dẫu cho « Âu-Tây tư-tưởng » hay « Nam-Phong tùng-thư » công việc đều cần phải tiến-hành nhiều, thì mới khỏi có cái lỗi để cho người An-Nam muốn biết học-thuật và văn-chương Âu-Tây, — lại phải nhờ những bản dịch ra Hán-tự. Đó là chưa kể đến vấn-đề dịch sách khoa-học, là một vấn-đề thiết-yếu mà khó-khăn thay, — còn mong các bậc cao-minh chú-ý mà bàn-luận để giải-quyết dần dần, — hoặc luận-

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

giả cũng được góp đôi ý-kiến sau này vậy.

Nhưng, cái ảnh-hưởng của sự dịch sách, cũng là một cái ảnh-hưởng gián-tiếp đối với quốc-văn. Từ xưa đến nay, kể ảnh-hưởng trực-tiếp, thì đã có những vẻ gì để làm tiêu-biểu? Xem trong rừng văn mới, về hình-thức, có lề-lối gì, phép-tắc gì, âm-từ gì mới, mà do Tân-học phát ra không? Về tư-tưởng, có cái *thần*, cái *lực* gì do Tân-học bồi-bổ cho không?

Về hình-thức, thì lề-lối, phép-tắc, âm-từ do Tân-học mới phát ra, xem chừng chưa qua cái «thời-kỳ bập-bẹ», — như chữ Tây gọi là «*premiers balbutiennents*». — Phạm-Quỳnh tiên-sinh trong những bài luận-thuyết chữ Tây, đối với người Tây thường thấy tự-nhận rằng đã chấn-chỉnh văn xuôi mới của An-Nam; nhưng chính văn xuôi của tiên-sinh thì lại quá theo nền-nếp cổ, mà quá yêu những chữ nho, — cho nên có câu nào «rằng hay thì thật là hay», nhưng cũng không phải là một cái hay có vẻ mới — Văn Nguyễn-văn-Vĩnh tiên-sinh có cái dạy giản-dị, «vẻ khúc-triết của Pháp-văn (*la clarté française*) dường như có đằm-thắm trong lời nói câu văn; nhưng một cây làm chẳng lên non, và lối văn ấy cũng khó lòng mỗi lúc bắt chước được.

Còn như cái lối văn kỳ-khôi mà nhiều báo-chí bây giờ muốn ép Quốc-dân phải coi nó là giọng văn buổi đời mới, cái lối văn câu lộn xuôi lộn ngược, chữ chúc-trác trái-tai — tôi thương thay cho ông Hoàng-tích-Chu mang tiếng là người đã sinh nó! Bởi vì chính văn ông Chu nào có thế; đối với quốc-văn ông Chu đã có công gây được một «giọng văn viết báo» (*style journalistique*), là lối văn trọng về sự làm vui cho độc-giả và để cho độc-giả dễ hiểu). — Nhưng chính ông Chu, tôi chắc ông cũng rõ rằng: «một lối văn không phải là một nền văn» — mà trong văn-chương Pháp, trong tiếng nói Pháp, hai chữ *style journalistique* thường khi ngụ-ý thế nào, ông cũng rõ; tôi mong rằng những bạn cầm bút biết lo đắp một «nền văn mới», chứ đừng lấy «lối văn mới» làm tự-đắc và tự-mãn.

Nền văn mới, nhờ Tân-học đã có những vật-liệu mà xưa kia chưa có. Lối-văn để diễn-giải cái tinh-thần của văn-chương cũ, — ví-dụ như lối-văn tán cho ra cái hay của truyện Kiều hoặc cái dở của truyện Kiều — ta có thể tạm gọi nó là «văn-học sử-luận», tuy cũng là nền-nếp văn nghị-luận (là lối-văn nhà nho cũng có), nhưng bắt chước phương-pháp của Tây-học, mà gần đây mới mở-mang ra; và cả lối-văn phê-bình cũng vậy. Lối-văn luận-thuyết ở các nhật-báo tạp-chí cũng là một lối-văn mới, do nhật-báo tạp-chí xuất-hiện mà mới xuất-hiện. — Lối đoản-thiên tiểu-thuyết cũng là một lối mới; bài đoản-thiên tiểu-thuyết đầu có lẽ là một bài của ông Phạm-duy-Tốn. Lối-văn tiểu-thuyết cũng do Tân-học mà đã đổi mới. Kịch-bản do Tân-học mà xuất-hiện.

Ta xét đến bên tư-tưởng: Trong văn-mới, nhờ Tân-học cái «hơi» văn, cái «khí» văn, cái «lực» văn, cái «thần» văn, có vẻ gì mới mẻ đáng mừng? Ôi! tinh-thần mới trong quốc-văn bây giờ, tìm đâu cho thấy? Có phải ở mấy quyển tiểu-thuyết ngôn-tình chăng? — Nhưng cũng xin các vị cựu-học nhớ cho rằng trong cái hại ngôn-tình tiểu-thuyết ở nước ta, những vị như Tử Trầm-Á có trách-nhiệm nặng hơn những tiểu-thuyết-gia nước Pháp. — Nhưng ta không nên quên rằng: cái phong-trào công-kích những văn sầu, văn cảm, văn ủ-ê, văn vơ-vẩn, làm hại cho dân-khí, là do cái tinh-thần Tân-học muốn lay tỉnh giấc-mộng mấy nghìn năm cũ vậy. Công ấy hãy còn là ít, nhưng cũng không nhỏ.

Rút lại, bạn Tân-học không thể không công-nhận rằng: nếu không nhờ có các bực Hán-học hiện-thời, thì tìm trong nhân-vật mới, khó thấy ai có thể là người bồi-bổ đôi phần cho văn-chương của tổ-tiên. — Điều ấy, xin ai chớ vội kể là cái lỗi của Tân-học, — mà xin ai trong bạn Tân-học chớ vội buồn lòng nản-chí. — Đó là một lẽ tự-nhiên. Tiếng Pháp và tiếng Nam, tính-chất khác hẳn nhau, một thứ tiếng thì mỗi chữ có nhiều vần (*polysyllatique*) một thứ tiếng thì mỗi chữ chỉ có một vần (monosyllatique), mẹo luật cũng đều khác nhau, cho nên hai thứ tiếng không thể dung-hòa với nhau một cách dễ-dàng, như là chữ nho với chữ nôm. Chữ nho chữ nôm cùng «loài», cho nên chữ nho biến ra chữ nôm đến nỗi con trẻ và người vô-học

TẤM ÓC NGƯỜI TA

Ta cần phải chám-lo bồi-đắp những sức-mạnh về tinh-thần, hơn là luyện-tập cái sức-mạnh của thân thể.

Mới đây, Bác-sĩ Alexis Carrel trưởng-giáo trường Y-học Rockefeller ở Nữu-Ước, có viết một bài nói về tấm óc của người ta. Những điều nghiên-cứu của ông rất mới lạ và có quan-hệ đến tương-lai của nhân-loại. Vậy xin thuật ra sau đây:

Tấm óc của người ta, thật là một vật rất thần kỳ. Chúng ta ai cũng biết rằng số-phận một người, toàn bằng ở thiên-chất cái tấm óc của mình cả. Cho đến vận-mạnh một quốc-gia, cũng trông-cậy ở giá-trị cái não-chất của các người dân nước ấy. Cách sinh-hoạt của não-bộ, rất có quan-hệ với cái năng-lực về tinh-thần (énergie spirituelle) mà cái năng-lực này là một thứ năng-lực rất mạnh ở thế-giới. Nhờ cái năng-lực ấy, người ta mới có cái tài-trí phát-minh và sáng-tạo ra luôn luôn những điều mới lạ. Chính cái năng-lực ấy, đã làm nẩy ra nền văn-minh ngày nay; mà có lẽ rồi đây đạp-đổ đi, tàn-phá đi, cũng lại là ở tay cái năng-lực ấy.

Khối óc lập thành ra bởi một chất trăng trắng, mềm và nhão. Nếu ta bóp vào hai ngón tay, thì thấy nát ra như bồ. Vì mảnh rẻ thế, nên các nhà giải-phẫu, khi nào mó đến óc, phải theo những phương-pháp cực kỳ là tinh-tế, cẩn-thận. Nội hình tấm óc phiền-phức quá, đến nỗi trí ta không thể sao tưởng-tượng ra được. Thật vậy, trong một khối óc của người ta, có đến 12 nghìn triệu cái tế-bào mà những tế-bào ấy không phải chất lại thành một đống đâu. Có những giây rất nhỏ liên-lạc các tế-bào ấy thành ra một bộ-phận xinh-xắn đều-đặn, làm cho các tế-bào ấy giao-tiếp với các cơ-quan khác trong thân thể người ta cùng là các sự-vật ở ngoài, và có thể sai-khiến được các thần-kinh và các bắp thịt. Những giây nhỏ kia, lại phân ra rất nhiều nhành-cánh đi giải rắc ra trong thân-thể và giao-thông với những nhành-cánh của các tế-bào khác. Các tế-bào này không cái nào giống cái nào cả. Vì cũng như vô-số các sinh-vật vi-ty, thiên hình vạn trạng, nhưng có chỗ chung nhau, và cái nào cũng có những râu (tentacules) dài và nhỏ, để tiếp-xúc với những vật ở quanh mình. Ta vẫn biết rằng những tế-bào này không phải một ngày một nẩy-nở thêm ra, nhưng cái số tuy không tăng, mà cái cách xếp-đặt thì cũng có thể theo tuổi người ta, càng ngày càng thêm hoàn-toàn hơn mãi. Vả lại, những nhành-cánh của não-bộ cứ ngày càng lan rộng ra, cho nên cái cách liên-lạc của các tế-bào cũng nhờ đấy ngày thêm chặt-chẽ. Cách liên-lạc của các tế-bào ấy, tính phác ra có đến mấy triệu triệu hình khác nhau. Xem vậy, tấm óc người ta, thật là một bộ-phận phiền phức nhất ở trong bàu giời.

Tuy vậy, giá-trị cái năng-lực tinh-thần, không phải toàn-bằng ở nguyên-chất của tấm-óc. Cách sinh-hoạt của các tế-bào trong óc, cũng như hết thảy các tế-bào khác ở thân-thể người ta phần nhiều tùy ở tính-chất thứ huyết-chấp tưới ngoài. Bởi vậy, tấm-óc phải chịu ảnh-hưởng các cơ-quan sinh huyết, các vi-trùng trong người và các hóa-chất ở ngoài đưa vào nữa. Óc một người tuyệt-thế thông-minh không thể trống lại với một tí rượu mạnh; mà

Annam đều quen nói hằng ngày được. Vả lại, xưa ta chịu ảnh-hưởng nho-học đến mấy mươi thế-kỷ, nay ta theo học-mới, mới có mấy mươi năm. Không phải có ai là người mong-ước theo học mới nhiều năm mãi để mà có được những người lấy Pháp-văn viết thay vào Quốc-văn đâu. Hiện nay, những người viết Pháp-văn chẳng qua vì thời-thế mà phải lấy chữ Pháp để tự-mình bày tỏ cho người Âu-châu rõ cái tinh-tinh của mình, phong-tục của mình, hoặc phô vẽ cái giang-sơn hoa-gấm của mình, hoặc giãi-bày các nguyện-vọng của mình, mà không phải cần ai thông-ngôn, — nhưng theo nhẽ thiên-diễn, tất mãi mãi sau này, người Á-đông này còn phải quay mặt về phương Tây mà tìm ánh sáng. — Ta không thể khinh cái học mới, cái tinh-thần Âu-học, có thể giúp cho hồn-văn ta mạnh-mẽ mãi lên. — Từ trước đến nay, văn nôm của ta chưa nhờ Tân-học được mấy. — Từ nay về sau, nghĩa-vụ của người Tân-học là phải làm cho Tân-học giúp được cho quốc-văn thêm nhiều vẻ tà-kỳ.

(Còn nữa)

Nguyễn tiến-Lãng

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

giả không có những thứ nước thẩm ra ở các cái hạch của cơ-quan sinh-sản, thì năng-lực chân-chính về tư-tưởng, sẽ không thể nào có được. Bỏ một vài con vi-trùng giang-mai vào trong óc, sẽ làm cho một người rất tầm-thường, tự-nhiên yên-trí mình là Nã-phá-Luân Hoàng-đế hay là ông Chúa nhà ngân-hàng Rothschild. Vậy thiên-chất các cơ-quan và các huyết-chất có được hoàn-toàn, thì cái đảm-lực, cái trí phán-đoán, cái tư-chất thông-dĩnh, cái trí tưởng-tượng, cái đạo-đức lực, mới có thể hoàn-toàn phát-triển ra được.

* * *

Nói tóm lại, tài xuất-loại bạt-tuỵ về tư-tưởng, mỹ-thuật, đạo-đức, và huyền-bí sở-dĩ phát-sinh ra, là nhờ ở các nhục-bào và cái khối có đều được tốt đẹp vẹn-vẽ. Ở trong cái gia-tài thế-truyền, chúng ta mỗi người nhận được một số não-bào khác nhau. Về phương-diện ấy, chúng ta đã bất – bình - đẳng rồi. Nhưng muốn chữa lại cái chỗ bất-bình-đẳng ấy và muốn làm cho tư-cách mỗi người ngày một thêm tốt lên; sự đó cũng không phải là không có thể được. Muốn thế, ta phải tìm cách dẫn-đạo đường sinh-trưởng của thân-thể và não-bộ, để rèn-đúc lấy những người thích-hợp với đời sinh-hoạt mới. Hiện nay, công-dụng cơ-khí đã thay cho sức vóc chân tay. Cái óc nghĩ cân-bằng, cái trí biết phán-đoán, cái tư-chất thông-minh, cái quan-niệm đạo-đức, ở lúc này thật thiết-dụng cho ta hơn là cái tài chạy giỏi, nhẩy giỏi, và ném vòng giỏi. Mà những kẻ lực-sĩ sở-dĩ nổi tiếng, chẳng phải vì não-bộ họ chắc-chắn hơn người, cũng chẳng phải vì trí thức hay đạo-đức họ siêu-việt hơn người. Vậy thiết-tưởng lúc này không phải là lúc ta nên sô nhau thờ-phụng ông thần lữ-lực.

Người đời nay, có cần đến cái bắp thịt, cũng chỉ cần cho có đủ được cái thân-thể chắc-chắn, đều-đặn mà thôi. Vậy ta cần phải công-nhận rằng: bộ óc bao giờ cũng chiếm phần hơn, bởi vì không có cái gì thay cho cái năng-lực về tinh-thần được.

Mai-khê

LƯ-THOA TỰ THUẬT

Dịch lịch-sử của ông Lư-thoa, tự ông viết ra :

« Les confessions de J.J. Rousseau »

6

(*Tiếp theo*)

.....Nhưng tôi thiết tưởng cứ nên nói rõ. Những người dạy trẻ thường không hiểu thấu những cái kết-quả bất-ngờ của phương-pháp giáo-dục hiện dùng là cái cách cứ đem một phương-pháp nhất-định ra thực-hành với nhất-luật tất cả mọi đứa trẻ, có khi lại thực-hành một cách không kín-đáo; nếu hiểu rõ, tất phải mau mau đổi bẳn cái lối cũ đi.

Cũng vì muốn cho người ta nhìn rõ cái gương thông-thường xấu-sa ấy mà tìm phương bổ-cứu, nên tôi không ngại tự đem mình làm thí-dụ ở một truyện kể ra sau đây:

Cô *Lâm-thị* trông nom chúng tôi, thương yêu chúng tôi như mẹ thương con, thì tất nhiên đối với chúng tôi cũng có cái quyền một người mẹ, khi chúng tôi có lỗi thì có thể đánh đòn cũng như một người mẹ dạy con. Trước, cô *Lâm* chỉ dọa chúng tôi mà không đánh bao giờ, tôi chưa bị trận đòn nào, nghe chữ «đòn» đã sợ một phép. Song có một lần cô *Lâm* đánh tôi thật, tự tay cô đánh tôi, — thì tôi trải qua cái trận đòn ấy, lại thấy nó không có gì đến nỗi cho tôi phải ghê như trước. Chẳng những thế, vì được tay cô đánh, mà tôi hình như lại càng mến cô. — Thật quả nếu tôi là đứa tinh-ma và không thành-kính cô *Lâm*, thì có nhẽ tôi đến nước cố-ý làm nên tội để mong cho cô đánh; tôi thích cái trận đòn đến như thế! Bởi vì phải đánh đau thì có đau thật nhục thì có nhục thật, nhưng riêng tôi thấy trong sự đau ấy có khoái-lạc về đường nhục-dục (1), cho nên tội thầm ước cứ được cô đánh đòn mãi..... Nói cho xác-đáng, hẳn cũng vì có một cái mầm tình-dục sớm nẩy ra: vì nếu tôi thử tưởng-tượng rằng: cũng trận đòn ấy mà chính tay ông *Lâm-bác-sĩ* vụt tôi, thì lại không còn cái thú-vị ấy nữa... Nhưng tính cụ hiền-lành một mực, chẳng khi nào đến nỗi ấy. Tuy vậy, tôi thích đòn, song cũng biết chừa, biết giữ-dìn bổn-phận cho khỏi bị đòn nữa, vả lại, sợ không ngoan thì cô *Lâm* ghét. Tính tôi như thế, phàm đối với ai đã có thiện-cảm thì không cứ về tinh-thần, cả về đường vật-chất cũng vậy, — cái thiện-cảm ấy sẽ sai-khiến được lòng tôi.

Tuy tôi giữ - dìn để tránh một trận đòn thứ hai (mà vừa giữ - dìn trong bụng lại vừa ước ao...), tuy tôi không tự-ý gây nên lỗi, nhưng cũng có một phen, tình-cờ, cô *Lâm* lại đánh tôi một trận nữa, thế là tôi mãn-nguyện mà không có tội với lương-tâm! Nhưng trận đòn ấy là trận cuối cùng. Hình như người bảo-mẫu tôi có ý hiểu ngầm rằng sự trừng-phạt ấy không đạt tới mục-đích, liền tuyên-bố rằng từ nay về sau sẽ thử không dùng cách phạt đòn ấy nữa, — Vả chăng, mỗi lần đánh tôi chả bõ nhọc và mỏi tay.

Rồi cách hai hôm sau, trước chúng tôi vẫn nằm ngủ chung một phòng với cô, — có khi mùa rét thì chung một giường, — chúng tôi đổi buồng ngủ; từ đó, tôi được cái hân-hạnh được cô coi tôi là người nhớn. — Kể ra tôi cũng không cần chi cái hân-hạnh ấy!

---

(1) Những người về phái phản-đối ông Lư-Thoa về sau dẫn những đoạn như đoạn này để «kết án» ông là điên, gàn, có bệnh thần-kinh. Còn nhiều đoạn khác cũng ly-kỳ như thế dịch-giả không dám bỏ đi.

Hồi đó tôi lên tám, mà người con gái họ *Lâm* ấy thì đã ba mươi; mấy cái roi đòn của cô ta, có ai ngờ có ảnh-hương mạnh với cả tính-nết tôi, cảm-tình tôi; những điều tôi mơ-ước, những sự tôi mê-cuồng; tất cả tâm-thần tôi từ đấy về sau, có ai ngờ vì đấy mà có di-dịch, di-dịch một cách trái với lẽ tự-nhiên. Đời tình-dục, đời của cái sác-thịt tôi, bắt đầu từ đó; tình-dục đã nẩy ra, nhưng chỉ biết có một cái «khoái-lạc» kỳ-dị là «thú phải đòn» thì trong mộng-tưởng cũng không có sự gì khác nữa, mà không tìm sự gì khác nữa. Tình-dục của tôi thật là hăng-hái nhưng tôi giữ mình tôi được trong sạch mãi đến khi thật nhiều tuổi, — khi tới cái tuổi mà dẫu người nào lãnh-đạm lành hiền hay đần độn đến đâu cũng phải theo công-lệ của Tạo-hóa - Lúc ít tuổi, cứ luôn luôn, thấy bứt rứt trong người, chẳng biết vì đâu; nhìn thấy mĩ-nhân thì ngắm không biết chán, nhưng ngắm xong thì cảm-tưởng ra sao? Số là trong trí tưởng-tượng vẫn luôn luôn phẳng phất những bóng hồng của ai, nhưng cái mơ-tưởng thì rút lại chỉ có một nếp đã quen: nghĩa là chỉ mơ-ước được mỗi người đẹp ấy đánh đập cho mấy cái, cũng như cô con gái cụ *Lâm* đã đánh mình vậy!... Mãi về sau, tuổi ngày càng lớn, mà cái mơ-ước la-lùng ấy cũng cứ theo mãi, thật là hèn-hạ, thật là điên-rồ; nhưng cũng vì chỉ biết mơ ước có thế thôi, mà nết-na của tôi tuy có một cái tính yêu hoa nhưng vẫn giữ được không hóa ra người dâm-đãng. - Tôi xét ra đã được chưởng một cái giáo-dục chính đáng và giữ sạch được mọi nỗi tà-dâm, như tôi, thế đã là có phúc lắm. — Bà cô tôi không những là người đoan-chính, mà nói cái nết-na đứng-mực, thì tôi tưởng đời ấy ít ai bì: thời đại bấy giờ đã là lúc đàn bà bắt đầu quên lễ cũ (1) — Còn như cha tôi, tuy là người có tính phong - lưu, nhưng theo lễ-phép đời xưa, nhời ăn tiếng nói đối với tình-nhân cũng có thể để cho những cô thiếu-nữ có nghe thấy cũng chẳng đến nỗi lấy làm hổ-thẹn. Trong gia-đình, và nhất là khi nào có mặt tôi, thì nhời ăn tiếng nói của cả nhà lại càng giữ-dìn cẩn - thận, kể biết kính-trọng cái hồn đứa trẻ đến thế là rứt mực. Khi đến trọ ở nhà cụ *Lâm-bác-sĩ*, cái hoàn-cảnh cũng y như thế: có một đứa đầy-tớ gái, hầu hạ thật tốt, mà chỉ vì một hôm có mặt chúng tôi, nó nhỡ nói một tiếng hơi tục, cụ đuổi ngay lập tức. — Vì cái giáo-dục ấy tôi từ nhỏ đã tập quen chẳng những không dám tưởng-tượng đến những sự giăng-hoa bao giờ mà hễ trông thấy gái giang-hồ thì biết tởm, trông thấy giai dàm-đãng thì biết khinh, — cả đến sự sinh con đẻ cái cũng cho là ghê bẩn lắm không dám nghĩ đến.

Tôi sở-dĩ từ bé tuy biết thích người đẹp, nhưng hồ mơ-tưởng đến người đàn bà đẹp thì lại chỉ biết ước có một sự: là ước được người ta đánh mình (!), — Cũng là do cái giáo-dục ấy mà ra.

Khi đã thành-nhân, cái tật cũ vẫn còn trong óc. — Trông thấy người đàn bà thì nhớ lại cái mơ-ước điên-rồ lúc nhỏ; lại thêm cái tính tự-nhiên rút-rát, thành ra khi nào gần người con gái, chỉ luống-cuống, ước - ao mà câm miệng, càng yêu càng không biết nói ra.— Chả nhẽ lại thú-thật với người yêu rằng: tôi ước gì được người yêu đánh cho mấy roi!! Không dám ngỏ cái điều riêng của mình ra, nhưng lấy trí tưởng-tượng để bày ra những cảnh có tương-tự với cái cảnh « trẻ phải đòn » kia: nào là quì gối bên người tình-nhân, người tình-nhân đó rất là cương - nghị sai khiến được mình (!), nào là vâng lệnh lĩnh ái-nương, nào là có lỗi thì phải kêu xin cùng người yêu tha-thứ, ấy nghĩ ra những cảnh ấy mà lấy thế làm tuyệt-sướng! Trí tưởng-tượng càng phô bày cái bức tranh tòng-phục ấy ra rõ rệt, thì tâm-thần càng toán-loạn, rút lại chỉ luống-cuống thêm! Độc - giả xem đấy đủ rõ rằng: một cái cách yêu vậy, chẳng phải là một cách có thể làm hại gì đến tuyết sạch giá chong của vị khuê - các nào cả ... Rút lại, kể thực-sự thì đời tình của tôi chẳng được mấy lần thật là mãn-nguyện; nhưng nếu cứ theo trí tưởng-tượng của tôi, thì trong đời tình ấy tôi cũng đã thừa hạnh-phúc (1) . . .

Ôi! Nghĩ những nỗi lòng tả ra trong tập tự-thuật này, có lúc nó không khác gì một cái hang quắt-quéo, mờ tối bùn lầy, — mà cái đoạn trên kia tức là bước đầu tôi đưa độc-giả qua một đoạn quắt-quéo nhường ấy. Tôi xin nói hết cả đến những tội-lỗi của tôi; thật nhắc lại tội-lỗi mà thú nhận, tôi coi là một việc dễ. Nhắc lại những sự khiến cho tôi phải đèm thân cho người ta cười, cho người ta, ấy mới khó hơn. — Câu chuyện trên kia tôi đã nói ra được rồi, — thì từ nay tôi chắc hẳn nỗi lòng có khi khuất khúc đến thế nào tôi cũng không chịu không nói được ra cho rõ (2).

Q

... Tôi càng dần dần nhớ lại những buổi đầu cái đời tình - cảm của tôi, càng xét ra rằng có nhiều tính - nết kể riêng từng cái thì nhường như phản-trái nhau, mà gồm lại trong tâm-trí tôi thì hóa ra nó lại cùng nhau góp sức để cùng có một cái kết quả. Trái lại, lắm tính-chất mới xét qua thì hình như giống nhau, mà vì ngoại-cảnh xui nên, những tính-chất ấy tương-phản nhau một cách không ai ngờ. Này, có ai ngờ cũng do cái nết đa-tình, và kiêu-nhược nói trên kia, mà khiến cho tôi biết luyện lấy mình để nên người gan-góc? — Độc-giả để ý vào cái tính xấu tôi đã kể, rồi lại xét đến truyện sau này sẽ thấy một cỗi ấy mà hai cành có thể khác nhau lạ...

(Còn nữa)

Nguyễn-tiến-Lãng
dịch



(1) Nói về thế kỷ thứ 18 ở Pháp.

(1) Đoạn này dịch giả đã lược đi nhiều.— Khi dịch xong toàn bộ sách này dịch - giả có lời phê-bình hoặc dẫn-giải từng đoạn.—

(2) Lược đi một đoạn...

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

TRINH THÁM NƯỚC ĐỨC

2

Như kỳ trước tôi đã nói: A. K. Graves đậu hai bằng bác-sĩ. Thế mà đến khi vào ban trinh-thám nước Đức, còn phải chịu huấn-luyện ngót sáu tháng trời. Cái thì-giờ bắt-buộc phải học-tập hàng ngày kể cũng đã là nhiều; nhưng vì Graves còn muốn cho chóng giỏi để ra làm việc, nên càng gia-công nghiên-cứu xem-xét, thành ra mỗi ngày cặm-cụi tới mười-ba mười-bốn tiếng đồng-hồ.

Sáu tháng trời! Một khoảng thời-gian ngắn-ngủi như vậy thì hẳn bà-con mình cho là dầu chịu-thương chịu-khó đến đâu cũng chẳng học thêm được mấy tí. Nghĩ như vậy là bởi ta chưa biết cái cách «hà-tiện» thì-giờ của một giống người chăm-chỉ, hay lam hay làm như người Đức. Tính vốn tham công tiếc việc mà động nhấc tay lên làm việc gì đã có phương-pháp hẳn-hoi, như vậy thì lẽ nào chẳng chóng vánh dễ dàng.

Graves tập đoán các quãng xa gần cao thấp bằng mắt cho quen, tới khi đoán bằng mắt với đo bằng đồ-dùng cũng không sai nhau là mấy. Lại tập tính nhẩm theo khoa tam-giac-pháp cho thật nhanh và thật đúng, tập xem các thứ đất cát mềm rắn thế nào, lại tập vẽ cho thật hoạt nét bút. Đó là mấy điều cần biết làm đầu. Thí-dụ như một viên thám-tử được lệnh cắt đi thám một cái thành nào đó, vậy phải biết dùng cặp mắt mà đo cho đúng; đo xong phải dùng phép tính riêng mà tính, tính rất nhanh và thật chắc-chắn; nào là mặt thành, nào là góc thành, nào pháo-đài lớn, nào pháo-đài nhỏ, trong thành xếp-đặt ra sao. v. v... Đo và tính xong, phải nhận xem đất cát chỗ nào rắn, chỗ nào mềm, gò lên lõm xuống những thế nào, v. v.; đoạn, cầm bút chì phác ra một mảnh giấy. Những một cái vẽ phác này cũng có nhiều lối riêng, rứt thần-tình. Một việc như thế, tưởng cũng không phải là dễ. Vậy mà viên thám-tử kia phải làm một cách tự-nhiên và nhẹ-nhàng như bỡn. Ai không biết thì cứ yên-trí cho là một người đi dong chơi, ngó chỗ này, nhìn chỗ nọ; ngờ đâu rằng trong bụng người ấy đang dự-bị vẽ một bản-đồ rành-rọt cả cái thành rộng rãi to lớn kia.

Khoa này học xong, lại học đến khoa chế-tạo các thứ tầu bể. Mấy viên giám-định lão-luyện ở tòa điều-khiển thủy-quân của Đức-Hoàng chuyên dạy Graves về khoa đó. Phải làm sao cho hiểu thế nào là một chiếc thiết-giáp-hạm, thế nào là một chiếc tuần-dương-hạm, thế nào là một chiếc khu trục-hạm, thế nào là tầu phóng-ngư-lôi, thế nào là tầu diệt-ngư-lôi; các kiểu ngư-lôi và trái-phá thả lơ-lửng ở mặt biển; các kiểu tầu ngầm vẫn thường rong-ruổi dưới bể khơi, v. v.... Học để mỗi khi nhác nom thấy một chiếc tầu, đã biết ngay được rằng tầu đó là thứ tầu gì, ở về hạng nào, của nước nào; thế tưởng cũng đã công-phu; nhưng mà như vậy chưa đủ. Còn phải học cho kỳ biết được cả nội-dung chiếc tầu ra làm sao, mà lại phải biết rõ ràng, có thể tả ra cho người khác hiểu được; như thế là để phòng khi phải đi thám một kiểu tầu mới, có thể làm được biên-bản, nói tách bạch hẳn ra rằng kiểu mới giống kiểu cũ những gì, khác những gì, các bộ-phận trong tầu, thêm lên bớt đi những gì, v. v. .... Học đến nỗi chỉ nghe tiếng «vè-vè», hoặc tiếng rít lên của một quả ngư-lôi từ chiếc tầu nọ rẽ nước bắn sang chiếu tầu kia, mà biết ngay được rằng ngư-lôi đó thuộc về kiểu White Head hay là kiểu Brenman.

Xong rồi, học đến các kiểu súng đặt ở trên tầu; lại phải nhớ cả những kiểu y-phục các hàng quan-quân trong ngạch thủy-binh của các nước. Graves ngồi trong tòa tham-mưu tại Berlin mà học phần lý-luận ở trong sách và nghe cắt nghĩa; xong rồi lại tới những xưởng chế-tạo lớn của hải-quân Đức ở Kiel và Wilhelmshaven để mà nhìn nhận xem-xét về phần thực-hành.

Đây là tôi nói tóm-tắt để các bạn Độc-giả biết đại-khái trong mấy tháng trời người Đức rèn luyện cho Graves thế nào để ông ta trở nên một tay trinh-thám hoàn-toàn. Mỗi khi học về một khoa nào, lại có mấy tay chuyên-môn nghiên-cứu về khoa ấy dạy; bởi thế cho nên thời-hạn học tuy ngắn-ngủi mà những điều biết thêm ra được thì rất rộng, rất nhiều.

Từ kỳ sau, tôi chỉ việc thuật lại lời Graves. Graves nói làm sao, tôi sẽ thuật theo làm vậy.

(còn nữa)

Đặng-văn-Hinh

TẢN-ĐÀ QUỐC-VĂN
ĐẶC BIỆT QUẢNG-CÁO

Ai muốn cùng tôi theo chơi về thơ ca quốc-văn, xin cứ viết thư về hỏi.

Nguyễn-khắc-Hiếu

VĂN-ĐÀN

DU-KÝ

Mấy bước đường rừng

«Bái-trung sơn thủy hữu tình,
Vui chơi non nước mà mình quên ta.
Tô-giang thảo thụ bát-sa,
Buồn trông phong cảnh mà ta nhớ mình.»

Mấy câu lục-bát đây, không nhớ rõ là của ai; tôi chỉ nhớ được nghe ở một người bạn xưa là M. *Đặng-đức-Vụ* đọc chơi, và nói là của một người ở Hà-nội gửi cho một người ở Yên-bái. Tôi thường ngâm tụng câu ấy, lấy làm rất hay. Nghĩ như giang sơn boa thảo, chưa hẳn thế nào đã là vui, chưa hẳn thế nào đã là buồn, mà tự cảm-tưởng của người ta viết ra như thế, thực là bút có hóa-công vậy.

Trong khi M. *Nguyễn tiến-Lãng* ở phủ Thống-sứ đổi lên làm việc ở Yên-bái, tôi tiễn chân ra ga Hàng-cỏ, đã có nhờ đến mấy câu ấy. Từ khi An-nam tạp-chí ở hàng Khoai xuất bản, M. *Lãng* có bài gửi về đăng trong báo hằng thường. Nhân có nhiều câu chuyện muốn bàn về trong sự văn-chương, tôi để ra thì giờ một hai hôm, lên chơi cùng ông Lãng, cũng để thăm sơn thủy *Bái-trung*.

Ngày thứ bẩy, *20 Février* 1932, từ Hanoi ra ga đi chuyến xe lửa thứ nhất, buổi trưa đến Yên-bái đi chơi xem phong-cảnh một buổi chiều.

Buổi tối nói chuyện về việc văn, có cả mấy vị sĩ-phu cùng họp vui ở nhà M. Lãng. Sáng hôm sau chủ-nhật, tôi cùng M. Lãng cùng đi chơi Bảo-hà, cách Yên-bái năm ga, cũng là địa-hạt tỉnh ấy, vì hôm ấy ở Bảo-hà có hội.

Trong khi đi xe lửa ở Yên-bái lên Bảo-hà, chúng tôi được gặp một người cùng nói chuyện văn thơ, là M. *Nguyễn-văn-Long, Chef de train à Yên-bái*. M. Long đọc cho nghe những câu đối của ông làm chơi trong khi còn đi học ở Hanoi :

Câu đối lúc sắp thi

Tài sắc kém chi ! bấy những căm gan cùng tạo-hóa.
Công danh ắt hẳn ! phen này phỉ chí với giang sơn.

Câu đối chữ nho dán chơi tết

歲有四時春在首
Tuế hữu tứ thời xuân tại thủ ;
士兼百藝學爲先
Sĩ kiêm bách nghệ học vi tiên.

M. Long năm nay trông người chừng độ 30 tuổi. Cùng nói chuyện lại có M. *Nguyễn-tiến-Quí, Contrôleur des trains à Phố-mới*, họp ý-kiến cùng nghĩ về vấn-đề rượu của người An-Nam ta. Câu chuyện ấy để sau này sẽ có riêng một bài luận-thuyết.

Đến Bảo-hà xem hội. Sự rước kiệu cũng có những bà đồng xanh đỏ như dưới xuôi, chỉ hơi khác có mấy vị tiểu-thư người Mán. Chơi hội Bảo-hà không lấy gì làm hứng-thú cho lắm ; song vì nhân có sự Bảo-hà đi hội, mà thêm hay *mấy bước đường rừng*.

***

Nguyên ở Bảo-hà, tôi có một người anh em thân-tình, là M. *Trịnh-xuân-Nhạc*, làm chủ kiểm-lâm (chef de la direction forestière) ở hạt đó. Từ khi ông Nhạc ra làm việc Kiểm-lâm, tôi đến bận này mới ngẫu-nhiên được biết. Ông Nhạc với ông Lãng, kể lại là người làm việc trong cùng tỉnh với nhau. Cho nên trước khi đến Bảo-hà, đã có M. Nhạc đứng chơi ở trước ga. Mấy bước đường rừng của nhà Thi sĩ sẽ tả-cảnh ra như sau, tức là do ở nhà Kiểm-lâm ấy dắt đi vậy.

Ngày hôm 22 Février, thứ hai, hôm ấy M. Long đã xuôi về Yên-bái làm việc, tôi theo M. Kiểm-lâm đi *Tournée* vào chơi thăm xem phong-cảnh đường rừng. Ở Bảo-hà đi lên ga Phú-lu, là để tiện về sự thuê ngựa. Không ngờ hôm ấy là phiên chợ Bắc-hà (sẽ có nói ở sau), bao ngựa thồ (1) ở Phú-lu đi Bắc-hà hết thảy. Cứ ông Kiểm-lâm tính độ đường từ Phú-lu đi 16 cây số thời đến Võ-lao là chỗ nghỉ tối, vì Võ-lao thuộc về châu Văn-bàn tỉnh Yên-bái, tức thuộc trong phạm-vi sở Kiểm-lâm Bảo-hà : còn như ở Phú-lu đi vào, thời là mượn đường qua địa-giới Lào-kay vậy. Khi đó ngựa đã không thuê được, thuyền lại cũng không tiện đi, sự-thế bắt buộc phải đi bộ. Lúc ở Phú-lu đứng dậy đi, chừng khoảng 11 giờ; đi chừng được 9 cây, giời đã chiều. Bên đường thấy hiện ra có một xóm nhà ở. Ấy là nhà giống người *mán Xừng*. Chúng nhân mỏi mệt, đều mừng được có chỗ tạm nghỉ. Khi ấy mới dừng chân nhìn tới phong-cảnh, rồi giết gà mở rượu, cùng quây-quần bên đống lửa làm vui. Tất cả vợ chồng con cái nhà người mán, cùng hàng xóm láng giềng cùng đến để họp vui, khách để ý xem chủ, chủ để ý xem khách, người keo nhận sự ăn mặc của người mán, người mán

(1) Ngựa của người Thổ để cho thuê, gọi là ngựa *thổ*.

xem sự ăn uống của người keo. Củi rừng lửa đốt sáng trưng, có thể gọi là vui vậy. Trong bọn chúng tôi cùng đi đó, tất cả có bốn người, ngoài ông Kiểm-lâm và tôi thời có một người cai của sở Kiểm lâm và một người phu theo gánh đồ. Ăn uống trò chuyện xong, chúng chia chỗ cùng ngủ. Lúc gần sáng, có bốn câu tức-sự rằng:

Ào ào tiếng suối bên tai,
Lợn kêu úy-oéc bên ngoài cửa phên.
Đầu nhà sương xuống từ trên,
Vách phên gió lọt bốn bên lạnh-lùng.

Cái cảnh của người mán ăn ở như thế, nếu không sẵn củi rừng để đốt, thời đàn bà con nít chịu với sự rét được sao? Nhân thế mà tôi lại nghĩ ra: nhân-sinh mấy sự vật cần dùng, nghĩ như người mán thực rất đủ. Trong sách nho có chữ **水火至足** *thủy hỏa chí túc*. Nghĩa rằng: «Nước và lửa hai vật rất đủ». Song cứ hiện-trạng của loài người An-nam ở Hà-nội; thời gáo nước, thanh củi, hà-tiện biết là nhường bao! Vậy mà cứ mấy nhà người mán đấy xem ra, củi rừng nước suối, thừa-thãi đã đành; lại thóc chất đầy gác, gà lợn đầy nhà, (1) vải dệt lấy, áo may lấy, rượu nấu lấy, thực là rất đủ vậy. Những vật cần dùng của người Mán, phải mua ở bên ngoài, chỉ có như dầu, muối, đồ sắt, đồ đun mà thôi. — Mỗi lúc giời mưa rét, đốt đống lửa giữa nhà nấu ăn, vợ chồng con cái, xum-họp quây-quần; mẹ dạy con học may, đứa con gái lên năm đã tập biết đường kim mũi chỉ. Lại thấy nói trong gia-đình và làn-lý, chưa hề có tiếng cãi nhau. Vậy cứ sự no ấm êm-đềm, giống người đó so với phần nhiều người trong dân-tộc Trung-châu ta, thực à có hạnh-phúc nhiều hơn lắm lắm. Song nhân-thế đã là nơi khổ-hải, mà cuộc đời càng đương buổi cạnh-tranh, hơn được kém thua, lệ thường thiên-diễn. *Thần-nông, Ngu, Hạ*, cái hạnh-phúc rất tinh-qui của loài người, ông Tạo-hóa đã không cho được hưởng nữa; thời đâu có lẽ yêu riêng gì giống Mán? mà Hóa-công chịu tiếng không công. Cứ lẽ đó nghĩ ra, thời nên có một tờ *lục-sức* của ông Lý làng *Xuân-dao* thuộc châu *Thủy-vĩ* tỉnh *Lào-kay*, mà nhà Thi-sĩ lại lục-biên như dưới:

保 阮 夫 限 長 富
大 爲 八 本 認 流
七 承 名 月 交 若
年 飭 具 十 該 不
正 綴 有 八 六 遵
月 灰 日 日 路 遲
十 小 根 小 起 欠
五 派 十 派 . 責 里
日 宜 日 身 修 據 玆 長
春 立 將 引 路 小 錄 阮
腳 卽 刀 夫 日 派 承 文
社 扒 發 就 廿 有 飭 莊
里 取 鐲 家 棠 咎
長 民 鍾 里 至

Bảo-đại thất niên, chánh-nguyệt, thập ngũ nhật, Xuân-dao xã Lý-trưởng Nguyễn vi thừa-sức Khe-bá tiểu-phái nghi lập tức bắt thủ dân phu bát danh, cụ hữu khẩu-lương thập nhật, tương đạo phát cuốc-xa. Hạn bản-nguyệt thập bát nhật, tiểu-phái thân dẫn phu lưu gia Lý-trưởng nhận giao Cai Lục-lục, khởi hành tu lộ, tự Cam-đường chí Phú-lưu. Nhược bất tuân, tri khiếm; trách cứ tiểu-phái hữu cữu.

Tư lục thừa-sức
Lý-trưởng Nguyễn-văn-Trang

(Sẽ tiếp)

Tản-Đà

(1) Lúc muốn bắt một con gà, người mán đổ thóc ra giữa nhà cho gà lợn vào ăn rất đầy rẫy.

THƠ

Ở Chợ-Chu cảm đề

Đeo-đẳng hai năm cảnh vật này,
Ma thiêng nước độc phải là đây?
Rừng xanh đỉnh núi ngàn mây phủ,
Suối bạc chân đèo bóng ác xoay.
Sớm đến, sương sa con vượn hú,
Chiều về, nước lũ chú tiều ngây.
Tam-kỳ oanh-liệt chừng bao thủa,
Phảng-phất may còn họa cỏ cây.

Tô-xuyên
Médecin à Yên-Bay

Hoa mai rụng

Cánh xuân lả-tả rụng bên tường,
Ngắn-ngủi đời hoa những thảm thương!
Vẻ ngọc tưởng vui cùng tuế nguyệt,
Nhị tàn đã rữa dưới phong sương.
Trong vòng ảo-mộng, ai mê sắc;
Đối cảnh phù-sinh khách tiếc hương.
Nào kẻ chòn hoa đâu đó tá?
Đầu cành bẳng-lảng ánh tà-dương.

T. S.

Lúc tan canh

Chợt tỉnh, tan sương thấy đỗ hồi,
Bốn phương thức ngủ những ai ơi?
Gà dan bên nóc xôn-xao gáy,
Cuốc giục ngoài hiên khắc-khoải hơi.
Tiếng trống bình-minh khua giấc tỉnh,
Hồi chuông thúc giục báo canh thôi.
Mơ-màng ai kẻ say trong mộng,
Thức dậy tranh đua kẻo lỡ thời.

Tô-xuyen

Qua hồ Liên-ngạn (Phú-thọ) hoài cổ

Cảnh cũ bây giờ lại thấy đây,
Kìa hồ Liên-ngạn, lớp nhà lày.
Sen tàn, cúc nở, hương còn ngát,
Liễu rủ, thông reo, nước vẫn đầy.
Ông lão ngồi câu, ai biết, hỏi?
Cô hàng bán nước, hỏi, ai hay?
Người đây cảnh đấy, lòng ngao-ngán,
Lai-láng hồn thơ gửi nước mây....

Kim-Long

Trông cảnh cũ, nhớ người xưa

Này trông cảnh cũ, nhớ ai xưa,
Nhớ khách tri-âm dạ ngẩn-ngơ!
Tịch-mịch hồ sen vừng thỏ lặn,
Tiêu-điều khóm trúc ánh trăng mờ.
Mạn thuyền nhớ lúc tay ôm nguyệt,
Bến án đòi phen miệng họa thơ.
Ngắm cảnh não lòng người đối cảnh,
Tao-phùng khách hẹn đến bao giờ?

Bồng-Hải
Trần-quang-Chúc.
(Gia-Long) Thái-Bình

CÂU HÁT TẠP

Gửi cô hàng nước, lấy chồng đã được ba con

Bây giờ em đã có chồng,
Ba con: con bế, con bồng, con mang.
Trước em dọn quán bán hàng,
Em còn nhớ khách qua đàng hay quên?

Sang đò.

Thuyền ai lơ-lửng bên sông?
Ghé vào đỗ bến cho Long sang nhờ.
Cách sông nên phải lụy đò,
Kia ai tay lái, miệng hò: «rô-khoan!»
Lênh-đênh một chiếc thuyền lan,
Càng quen thuộc nết, càng dan-díu tình.
Long về, Long nhớ cố-mình,
Nước non nặng gánh chung tình ai mang?

Kim Long

VĂN TẠP KIỀU

Tặng báo An-nam lại xuất-bản

Nghe tin nở mặt nở mày,
Lòng nào còn tưởng có rầy nữa không?
Khát khao đã thỏa tấm lòng,
Nên câu tuyệt diệu ngụ trong tính tình.
Quản chi lên thác xuống ghềnh,
Mưu cao vốn đã rắp ranh những ngày.
Trời còn để cọ hôm nay,
Dung quang chẳng khác chi ngày bước ra,
Trên vì nước dưới vì nhà,
Tưng cay đắng lại mặn mà hơn xưa.
Tưởng bây giờ là bao giờ,
Nghìn vàng thật cũng nên mua lấy tài.
Nhời quê góp nhặt giống dài,
Phẩm đề xin một vài lời thêm hoa.
Hữu tình ta lại gặp ta...

Lê-văn-Hoàn
Village Yên-Phụ

DỊCH THƠ CHỮ PHÁP

Chanson d'automne

Les sanglots longs
Des violons
De l'automne
Blessent mon cœur
D'une langueur
Monotone.

. . . . . .

Tout suffocant
Et blême, quand
Sonne l'heure,
Je me souviens
Des jours anciens
Et je pleure.

. . . . . .

Et je m'en vais
Au vent mauvais
Qui m'emporte
De-çà, de-là,
Pareil à la
Feuille morte.

Paul VERLAINE

Thu ca

(Bài dịch thứ nhất)

Thổn thức sầu,
Thoảng đàn đâu.
Thu như rầu,
Bâng-khuâng lòng đau.
Hiu-hắt tuôn sầu,
Sớm chiều như nhau.
. . . . . .
Thổn-thức gan vàng,
Lạnh-lùng tình thương.
Bỗng như nghe chuông,
Chợt động can trường.
Nhớ xưa vần-vương,
Lệ sầu như sương.
. . . . . .
Lang-thang ơ-thờ
Lần theo gió thu,
Mặc cho gió đưa.
Vẩn-vẩn vơ-vơ.
Nào khác chi là
Bèn đường lá khô.

Lý-nguyên-Bách
Đ. H. H. sao lục

(Bài dịch thứ hai)

Đàn thu réo rắt bi ai,
Mưa sầu tưới lệ ướt đầy lòng em.
« Đoạn trường » càng vắng càng thêm,
Càng thêm thảm thiết, càng thêm não nùng.
. . . . . .
Não-nùng phai tía lạt hồng,
Hơi thu sang-sảng tiếng đồng gợi thu.
Gợi thu gợi giấc mơ-hồ,
Giang-châu giọt lệ bi thu vắn dài.
. . . . . .
Dấn mình vào kiếp trần-ai,
Mưa đơn gió kép tơi-bời tấm thân.
Bốn phương mù-mịt phong-vân,
Cảnh hoa tàn-tạ dám cân-nhắc gì!...

Thiếu-Hoa
Pharmacie Fr^se à Viétri

DỊCH THƠ CHỮ HÁN

Bàng-hồ Hàn-vận

(*Tiếp theo*)

7—*Phương-Thị* người Hào-châu, là vợ Lương-tuấn-Nghiệp, chồng chết, con mất, lênh-đênh cùng khốn; khi chết, nhời thơ tuyệt mạnh rằng:

Bài thứ nhất.

Vi sinh khởi bất luyến-đình-vi,
Chuyển giác hồng mao kỳ mạnh phi.
Văn thuyết tuẫn phu đồng tuẫn quốc,
Thái-Chân tàng toái Lão-Lai y.

Dịch nghĩa:

Thân tàn hà chẳng mến đình-vi,
Chút phận lòng hồng sá kể chi.
Theo nước, theo chồng, âu cũng vậy,
Thái-Chân từng sẻ áo Lai đi!

Bài thứ hai

Kỳ ngữ gia viên đệ dữ huynh,
Đẳng nhàn văn bảo mạc tương kinh.
Khổng nhân, Mạnh nghĩa tầng vi độc,
Thử sự thong-dong tự tại hành.

Dịch nghĩa:

Gửi lời thưa với chị cùng anh,
Nghe thấy tin em chớ rật mình.
Đạo nghĩa thánh hiền ghi tạc dạ,
Đường đời quay gót nhẹ tênh-tênh.

8. — *Hoàng-tố-Phương*, người Quảng-xương tự là Ngọc-Uẩn, là vợ Nhiêu-mỗ, mười chín tuổi góa chồng. Thơ «Lục-tuần thuật-hoài» rằng:

Bài thứ nhất

Thiếu niên lệ chí thỉ kiên tân,
Đạo xích thanh trung độ thử thân.
Song thủ vị đình đầu tận bạch,
Oán thiên bất cảm, cảm vưu nhân.

Dịch nghĩa:

Từ xưa son sắt vẫn ghi lòng,
Dao kéo mưu sinh thế cũng xong.
Chưa mỏi đôi tay đầu đã bạc,
Oán giời không dám, oán người không.

Bài thứ hai

Bắc vọng Yên-kinh lộ kỷ thiên,
Khả liên bạch cốt táng hoang thiên.
Nhất vu mạch phạn hà nhân điện,
Trường đoạn hương-khuê tứ thập niên.

Dịch nghĩa:

Đường tới Yên-kinh mấy dặm trường,
Thương thay xương trắng quãng đồng hoang.
Lưng cơm đĩa muối ai người xót,
Trót bốn mươi năm luống đoạn trường.

Trực-Viên Phạm-văn-Nghị

(*Còn nữa*)

ĐỨC QUỊT NỢ CHĂNG?

Sau ngày cuốn cờ cởi giáp ở bên kia giải sông Rhin, Đức phải cắn môi ký vào bản hòa-ước Versailles nhận trả Đồng-minh món tiền bồi-khoản: 132 nghìn triệu mã khắc.

Ký thì ký, nhưng trong bụng hẳn đã nghĩ: Rồi ta vỗ trắng cho xem!

Quả nhiên thế! Nước Đức chẳng trả Đồng-minh một đồng nào sốt. Ngỗng ông lại lễ ông, những món tiền đã nộp cho các nước Đồng-minh, toàn là tiền vay ở các nước Đồng-minh cả; — nói cho rõ ra là nước Đức vay nợ riêng ở các nước ấy mà trả món nợ công—nợ chính-trị — phải nộp cho các nước ấy. Nước Đức « vay »! Vâng, nhưng « vay không trả », ta nên yên-trí như thế: Đức sẽ vỗ trắng cho mà xem...

Nước Đức sẽ vỗ nợ, khách bàng-quan phần nhiều trông thấy đã rõ rồi, mà người trong cuộc nghe như còn tin Đức lắm. Mới đây, Thủ-tướng Brüning nói với Sứ-thần nước Anh một câu làm cho các Liệt-cường phải chú-ý, phải ngạc-nhiên, và làm xôn-xao cả dư-luận. Thủ-tướng nói:

—«Ngay bây giờ, mà cả sau nữa, nước Đức không bao giờ có thể trả được các món nợ bồi thường cho Đồng-minh!»

Lạ thay! Nhiều người nghe tin ấy lấy làm ngạc nhiên lắm. Có phải lại nói: « Đó chỉ là ý-kiến của một người thôi! »

Nhưng không, không phải là ý-kiến riêng của ông Brüning đâu; ông phát-biểu ý-kiến của toàn-thể dân Đức đó. Ý-kiến ấy, tất cả các báo-chí bên Đức, bất cứ thuộc tả-đảng, hữu-đảng hay là trung-ương, đều hết sức hoan-nghênh và tán-thành. Ý-kiến ấy chẳng lấy gì làm lạ, vì không phải bây giờ nó mới phát-biểu; ngay từ hai ba tháng về trước, trong hội-đồng nội-các Đức, ông Brüning đã nói đến rồi:

—Ta không thể trả món nợ «Liễu-Thăng» ấy được.

Nhiều tờ báo Pháp kêu ông Briand bị chính-khách Đức lừa dối, công-kích ông vì muốn giữ cái chủ-nghĩa « du ngủ » ấy nên mới mắc lừa. Thực ra nước Đức lúc nào cũng vẫn là thù-địch của Pháp, hễ có đủ sức «đả» lại được là «đả» liền. Ông Brüning mà bảo là người biết lẽ phải, trọng ôn-hòa ư? Không, cách hành-động của ông Brüning nay cũng chẳng khác cách hành-động của ông Hitler chút nào. Ông vừa trả lời một câu rất gọn: «Chúng tôi không theo hòa-ước Versailles nữa!»



Ông Hitler trong lúc riễu trước hàng quân, chào đảng-kỳ theo lối La-mã.

Đành lẽ, đấy là nói riêng về vấn-đề bồi-thường. Nhưng hôm nay Đức «quịt» được tiền bồi-thường, tất ngày mai «tăng-phú» cả các điều-khoản về vấn-đề binh-bị. Chính ông Giám-quốc Hindenburg đã nói «hứa» việc ấy. Huống chi ông Hitler đương lăm le trèo lên ghế Thủ-tướng, lại ngấp nghé cả đến ghế Giám-quốc, chân-tướng nước Đức hiển-nhiên đã sắp phô bầy ra trước mắt thế-giới rồi.

Giữa lúc ông Hoover đương tính cách triển-hạn cho Đức, hội-nghị Lausanne sắp sửa họp để bàn, thì nước Đức vội ngỏ ý «vỗ trắng»! Câu nói ấy đủ làm cho hội-nghị Lausanne thêm phần quan-hệ: trước tình thế ấy, các nước sở-quan tất phải cần họp nhau lại để bàn.

Trong các nước sở-quan, đã thấy ông Mac Donald, Thủ-tướng Anh, cất tiếng nói:

«Theo lời của Ủy-ban tư-vấn ở Bâle, tình-hình kinh-tế Đức đã đến nhường ấy, ta có thể tin được rằng đến ngày hội nghị Lausanne, Đức cũng chẳng có câu nói nào khác với câu của thủ-tướng Brüning nữa.

«Ý định và chính sách của Anh đối với việc ấy chỉ bao giờ cần phải nói ông mới nói ra thôi...»

Còn ý kiến các nước khác ra sao? Ta chưa biết. Có lẽ nào trong dây lát trương trình Young đã bị một câu nói phá hủy được ư? Theo như lời bàn của báo Dépêche de Toulouse thì: «Chỉ bằng Đồng-minh tha cho nước Đức món tiền bồi-thường, để anh Hitler hết đường tạ khẩu!»

Thiết-tưởng chẳng ai lại nghe lời bàn ngớ-ngẩn ấy. Làm cho Hitler hết đường tạ-khẩu, tức là làm theo các ý-định của Hitler. Báo Revue Hebdomadaire bác lời bàn ấy nói một câu thú-vị: «Giả nước Đức sang chiếm được Ba-lê rồi, thì người Pháp cũng nên yên-ủi rằng: ta còn Toulouse đó!»

Nhưng nếu không tha cho nước Đức tiền nợ ấy, Đồng-minh sẽ xử-trí thế nào đây?

Ông Mac-Donald chắc rằng cuộc tương-lai đây sẽ tỏ cho các Chính-phủ sở-quan biết: nếu muốn cho Âu-châu hồi-phục lại được tình-thế cũ và nếu muốn cho yên lòng người, tất người ta phải có can-đảm nhìn thẳng vào thực-cảnh.



Ông Hoover

Cuộc tương-lai, phải, tương-lai! Thì-giờ còn giấu nhiều điều bí-mật. Ta chợt nhớ lại câu đoán trước của Ludendorff, tham-mưu của Hindenburg:

« Ngày 1er Mai năm nay, Âu-châu lại bắt đầu có việc chinh-chiến ».

Đinh Huy-Hạo

THỜI-SỰ

TIN TRONG NƯỚC

Hội-đồng hội Pháp-học Bảo-trợ

Hanoi. — « Thưa các ngài, tình-hình hội Pháp-học Bảo-trợ trong năm vừa qua cũng tương-tự như mấy năm về trước, ngoài sự chi-thu không có việc gì lạ. Tình-cảnh như vậy là bởi Quốc-dân đối với hội ta vẫn thờ-ơ lãnh-đạm, chỉ chừ khi ông bà nào cần đến hội giúp tiền cho con cháu thì bấy giờ mới nhớ đến hội ta và mới tỏ lòng sốt-sắng trong ít lâu . . . »

Đó là lời ông Đỗ-đình-Thuật hội-trưởng hội Pháp-học Bảo-trợ nói trong kỳ hội-đồng hội ấy ngày 15 Mars 1931. Việc đã qua, một tiếng « ôi ! » là đủ !

Còn sang năm nay ? Tuy năm nay kinh-tế khủng-hoảng hơn mọi năm nhưng Quốc-dân được hơn lên một tuổi. *Nếu tình cảnh Hội lại như vậy thì bởi ai ?*

Nước mong được mở mặt, đành lẽ phải trông vào nhân tài, nhưng nhân tài ấy, dân nước phải họp sức tạc nên mới được.

Nằm trong chăn bông mà lo-than tiền-đồ dân nước, vác mã-tấu canh bên mả bạc mà hò-hét việc nghĩa-cử, con người ấy, năm 1932, nước ta có còn nhiều không ?

Ngày 10 Mars tới đây, hội P. H. B. T. họp đại hội-đồng ở Hội-quán hội Trí - tri (Hàng Quạt Hanci) chúng tôi mong được thấy quốc-dân tỏ lòng sốt sắng ! . . .

Tin chính-trị

Hanoi. — Trong nhà pha Hỏa-lò còn hai người bị kết án tử-hình là Nguyễn-đức-Cảnh và Hồ-Ngọc-Lân, ngồi chờ tin bên Pháp. Nếu đơn ân xá bị bác, hai người sẽ bị đưa xuống chịu tội ở Haiphòng là nơi đã sảy ra việc ám sát thị Uyển, thị Nhu.

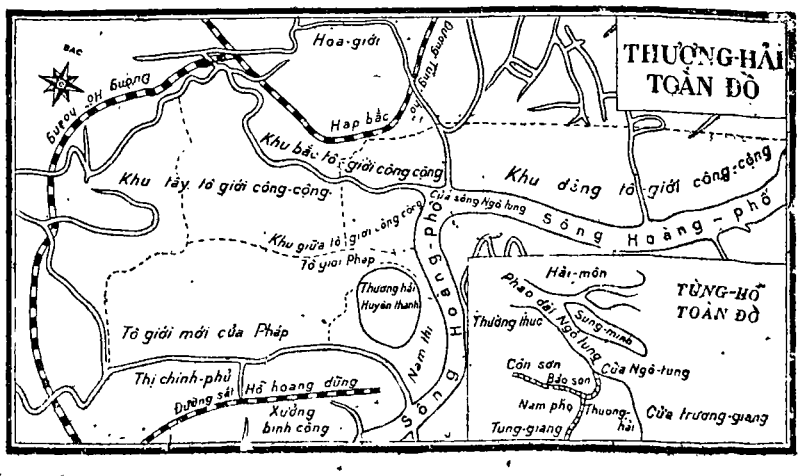
Số tù chính trị chưa xử trong nhà pha cũng còn nhiều. Nghe đâu cuối tháng sau, tại Hanoi một phiên Hội-đồng Đề-hình, tổ-chức theo đạo sắc-lệnh mới, do một quan Thẩm-phán chủ tọa, sẽ họp để xử nốt.

Saigon. — Nguyễn-văn-Phúc, đảng-viên hội kín, can tội toan phá ngục để cứu Phan-xích-Long và Tư-Mắt năm 1916, đứng đầu nhiều đảng cướp, lột toán lính đi tuần ở Bình-thanh-Tây, bị tòa án binh kết án vắng mặt khổ-sai chung thân đã 16 năm nay, mới đây đã bị bắt và bị đưa ra trước tòa xử lại. Phúc được giảm tội xuống 6 năm tội đồ và 5 năm biệt-xứ.

Quân vũ-phu !

Badiêm (Nam kỳ). — Hôm thứ hai mới rồi, Nguyễn-văn-Nhượng khóc nức nở đến báo với hương-chức sở tại: Vợ y thắt cổ tự-tử ! Các viên-chức đến nơi, thấy sác vợ y nằm sóng sượt dưới đất, ở cổ có thắt một chiếc thừng. Tình-nghi, các viên-chức đi kêu đốc-tờ về khám thì thấy trong mình người đàn bà có nhiều thương-tích nặng, nhất là vết thương ở đầu.

Xét hỏi, Nhượng thú nhận đã lỡ tay đánh chết vợ.



Sông Hoàng-phố ở tỉnh Giang-tô chảy qua Thượng-Hải, Ngô-Tùng vào cửa Nam Trường-Giang; dọc bờ sông có đường hỏa-xa Tùng-Hỗ chạy vòng tô-giới công-cộng qua Giang-Loan, Trương-hoa-Phường, Uẩn-tảo-Phường mà đến Ngô-tùng. Theo đường xe lửa phía Nam qua Gia-Hưng, về phía dưới Tây-hồ, đến Hàng-châu (thuộc Triết-giang) gần cửa sông Tiền-Đường. Theo đường phía đông-bắc, thì qua Cô-sơn, Vô-tích, Nam-kinh v. v. . . . .

Nhảy từ từng gác thứ ba xuống sân tự tử

Hanoi.—Sáng hôm 26 Février. cậu Phạm-huy-Phan, 19 tuổi, ăn học trong trường Bảo-hộ, vì quá buồn bực, lao mình từ trên cửa buồng ngủ ở từng gác thứ ba xuống đất. Nhưng nợ trần không thoát, cậu chỉ bị vỡ hàm và gãy xương sống mà thôi. Bệnh tình tuy nặng nhưng may ra cũng thoát khỏi được.

Ôi! một đời thiếu-niên!

Một vụ ám sát

Mỹ-tho.—Nửa đêm hôm 16 Février. Một tiếng súng lục sé làn không khí êm-đềm. Ông đội Khánh xếp bóp Chợ Bùng đương lững-thững đi tuần bị một viên đạn xuyên qua ngực, ngã gục xuống bất tỉnh nhân sự.

Thủ-phạm tên là Trụ đã bị sở Mật-thám bắt được.

ĐỨC

Hitler ra ứng-cử Tổng-thống

Theo tin điện Bá-linh ngày 23 Février, trong một kỳ hội-đồng của đảng «Ra-xít», ông Nghị Gabbles tuyên-bố rằng lãnh-tụ đảng Quốc-gia Xã-hội sẽ ra ứng-cử chức Tổng-thống.

Hitler lấy cái địa-vị giáo-sư thể-dục ở trường chuyên-môn Brunswick đủ được nhập-tịch dân Đức.

PHÁP

Vàng !...

Tầu «Berenguria» vừa chở tới Pháp 86 thùng vàng trị giá gần 600 triệu quan. Lúc trục lên, giây xích máy trục đứt, 6 thùng rơi «tòm» xuống bể.

Nhưng... đừng ai vội tiếc của: vàng ấy thợ lặn đã mang lên được rồi.

Gạo Đông-dương tải sang Pháp

Hôm 20 février, tầu «Delazoa Maru» ở Saigon khởi-hành chở đi Marseille 651 tấn gạo trắng và 608 tấn tấm.

Đấu-xảo mỹ-thuật Đông-dương

Paris 29 Février. — Quan Giám-quốc đến khánh-thành cuộc đấu-xảo mỹ-thuật của trường Mỹ-thuật Đông-dương và các trường công-nghệ do quan Thống-đốc De la Brosse tổ chức. Trong các vị tai mắt đến dự có đức Bảo-đại, MM. Lebrun, Roustan, De Chappelaine, Albert Sarraut, L. Hubert, E. Outrey, Thống-chế Lyautey. Các bức họa và tượng của trường Mỹ-thuật Hanoi, các khăn thắm Bắc-kỳ, đồ đồng và đồ sành Thanh-hóa, đồ vàng bạc Cao-mên được ngợi khen.

Nội-các mới tại Hạ-Nghị-viện

Paris, 24 Février.— Thứ-dân Nghị-viện đã bàu phiếu tín-nhiệm Chính-phủ, có 309 phiếu hoan-nghênh và 262 phiếu phản-đối.

Hơn 11 giờ đêm mở phiếu xong, gần 12 giờ, ông Tardieu đi chuyến xe lửa riêng sang Genève.

Lời nói của ông Reynaud

«Giữa lúc từ-biệt bộ Thuộc-địa, tôi xin tuyên-bố để Ngài rõ rằng: dù ở tòa Nội-các hay ở Nghị-viện, bao giờ tôi cũng nhiệt-thành bênh-vực Đông-Pháp.»

Đó, bức điện của M. Reynaud gửi cho M. Pasquier.

Bức điện-văn của ông Nghị Outrey

Ông Outrey vừa báo tin Chính-phủ đã đệ lên Hạ-nghị-viện bản dự-án cho phép Đông-Pháp được:

1. — Phát-hành cuộc công-thải 250 triệu quan;

2. — Bảo-đảm cuộc công-thải phát-hành lấy tiền lập một nhà Địa-ốc Ngân-hàng để cho các điền-chủ vay;

3. — Bảo-đảm cuộc công-thải do các nhà Ngân-hàng phát-hành dưới quyền trong xứ Chính-phủ hạn đến 190 triệu quan là cùng, để giữ việc sản-xuất.

TÂY BAN NHA

Bốn bể không nhà

Phế-đế Alphonse XIII cùng công-chúa út hiện đã đáp tầu tới Stamboul (đất Thổ). Vua cùng các công-chúa định đi Smyrne, Chypre, Beyrouth và Alexandrie.

Theo tin Madrid ngày 27 Février Phế-đế phát-biểu một tờ hiểu-thị nói không hề thoái-vị và thấy trong nước loạn-lạc, tất không thể im tiếng lâu được nữa. Vua hô-hào dân trung-thành nên họp lại dưới cờ mình lập một chính-phủ tạm-thời và mời Hội-nghị quốc-dân họp. Trưởng-tộc Hoàng-phái là M. Ch. de Bourbon tỏ ý muốn lập chính-sách quân-chủ hợp tác với Nghị-viện của dân.

Một câu hỏi

Một tờ báo ở Kinh-thành Vienne đặt một câu hỏi độc-giả:

«Nếu các ngài có cái mũ thần ở đời Trung-cổ, cho mình được phép tàng-hình, thì các ngài sẽ dùng làm việc gì?»

Trong số độc-giả gửi thư đáp, phần nhiều là người Đức, có người ở Leipzig nói: «Tôi sẽ vào nhà hát Opéra, giữ cô đào Lohengrin không cho lên sân khấu»; một người ở Hambourg tinh-nghịch hơn, muốn trèo lên cân đứng sau một bà béo «phục-phịch» đương uống thuốc gầy, khiến cho bà tưởng thuốc gầy làm cho bà béo thêm ra... Mấy câu nói đùa ấy không có gì là ác... Nhưng, có mấy câu đáp của các bà mới độc làm sao! Một bà muốn đặt cả cây thịt lên một bọn đàn-ông đương ngủ để cho họ bị bóng đè. Một bà muốn trả thù mấy chị nhấp-nhảy chồng mình, muốn lột... trần họ ở giữa phố.

Theo lời báo «Je suis partout», trong các người giải-đáp không ai nghĩ dùng đến phép thần ấy để làm chút ích-lợi chi cho đồng-bào.

Vậy Bản-chí lại xin đem câu hỏi ấy hỏi lại các bạn độc-giả, những câu giải-đáp nào có thú-vị sẽ lần lượt đăng tải, tưởng cũng là một cuộc mua vui.

Giá-trị người đời

Trong số báo đặc-biệt ra kỳ tết, đầu đề trên sếp lộn là «giá-trị đời người» vậy xin cải-chính.

Trung Nhật xung-đột

Mở mắt nhìn xem dân khí Tàu : vì quốc nạn, Hoa-kiều một phủ Ninh-giang góp được 3 ngoìn đồng bạc, Hoa-kiều ở Hải-dương cũng góp được 2 nghìn đồng, ở Cựu-kim-sơn, họ cũng gửi giúp 25 vạn Mỹ-kim cho đạo quân 19; bà Tống-Khánh-Linh vợ góa ông Tôn-Văn tổ-chức một đội Hồng-thập-tự; 2000 học sinh ở Nam-kinh vừa lập thành hai sư-đoàn 87 và 88 do Trương-tuấn-Đồng chỉ huy; các phi-tướng Quảng-đông tranh nhau lên Thượng-Hải ; các chiến-tướng quyết hiến thân cho tổ-quốc, bước ra chiến-địa đều để dic-húc cho vợ con...Truyền-đơn cổ-động rắc khắp Quảng-đông, các Nghĩa-sĩ gọi : « Đồng-bào ơi ! anh em mau mau trù tiền mua máy bay giao cho chúng tôi, chúng tôixin vui lòng đem sinh mạng dâng cho nước nhà, làm đội tiên-phong cho các anh em » Lại một bức điện của đạo quân 19 : «.....nếu một tên quân, một viên đạn hãy còn thì quân Nhật quyết không làm tràn được. Chỉ mong cả nước, trên chính phủ dưới nhân-dân ai nấy đều mang lòng « quyết chết », cho sự sống trộm yên tạm là điều sỉ-nhục lớn, đoàn-kết một lòng trước ngã sau nối thì sự hy-sinh của chúng tôi không đến nỗi uổng; những chiến-sĩ đã phơi thây chút máu tất được ngậm cười dưới suối vàng. »

Dân khí như thế lại thêm đất rộng người nhiều, thì bọn quân Nhật dù mạnh giỏi đến đâu dễ mà đánh được. Chính một người Nhật đã nói: «Từ ngày sảy ra nạn chiến-tranh, không ngày nào không có tàu Nhật tải tử-thi về, có ngày mấy chuyến. . . .»

. . . . Hôm 17, từ 5 giờ sáng, hơn nghìn quân Nhật đánh Giang-Loan. Trong nửa giờ, bắn nhau rất dữ-dội, Nhật không thể tiến được một bước. Bỗng tiếng súng im hẳn, tiếng reo hò, tiếng sắt chạm nhau rất hăng, trong hơn một giờ quân hai nước đánh nhau bằng đoản-khí. Nhật muốn liều mơ đường trận nhưng không được vẫn hoàn không được. Đồng-thời ở Hạp-Bắc quân Nhật cũng tiến đánh toan làm rối quân Tàu, nhưng bị đại-bác bắn dữ phải lui.

Ngày 20, lại một trận huyết-chiến. Hồi 8 giờ, hải lục quân Nhật tổng-công-kích ba mặt Hạp-Bắc, Ngô-Tùng và Giang-Loan. Bốn nghìn quân Nhật chia hai đội, theo sau mấy chục xe phá-lũy và xe bọc-sắt tiến theo đánh Hạp-Bắc, chẳng may vào đến chỗ quân Tàu chôn sẵn địa-lôi, quân Tàu ném lựu-đạn, địa-lôi nổ tung, hủy mất 5, 6 chiếc xe phá-lũy. Quân Tàu trong chiến-hào nhảy ra đánh rát, Nhật phải lùi. Ở Ngô-Tùng, Nhật dùng trái-phá nặng, tạc-đạn và súng cối-say tiến đánh dữ trong hai giờ, cướp được trấn, nhưng lại bị hậu-quân Tàu đánh rồn ra. Nhưng ghê-gớm nhất là ở Giang-Loan, Nhật dùng ba khẩu súng đường kính 8 tấc Anh bắn rất dữ, tạc đạn Nhật đều dùng thứ thuốc cháy lâu nên vùng ấy có nhiều chỗ cháy, trường đua ngựa khói bay mịt-mù. Theo điện-tín hồi



Viện binh Nhật đến Thiên-Tân Cl. A. N.



Dân Tàu chạy nạn Cl.A. N.

18 giờ 35 hôm 22 Février, thì một tờ trình của Nhật nói: Quân Nhật đã tiến được lên một dặm ở Hạp-Bắc, còn Giang-Loan tuy bị vây nhưng quân Tàu vẫn giữ vững, quân Nhật chết hại cực nhiều....

Nhật ngày một làm dữ, hôm mới rồi lại phái 25 chiếc máy bay xuống đánh phá mãi tận Hàng-châu, ở cách tây-nam Thượng-hải 200 cây số. Phá-ngư-lôi và thủy-phi-cơ bắn lên pháo-đài Tử-Tử-Binh trên sông Tiền-đường làm vang cả tỉnh. Có lẽ Hàng-châu lại thành một nơi chiến-địa..... ..... Tuần lễ này, ta thấy thưa tiếng súng là vì Nhật có ý chủng-chỉnh để chờ quân cứu-viện. Trong mấy ngày, đã thấy lục-tục 1 lữ-đoàn 2 sư đoàn viện binh Nhật lên bộ, 2 sư đoàn nữa sắp đến. Kiều-dân Nhật ở Thượng-hải bị ép ra trận, ai phẫn-kháng bị tội, vợ con họ khóc như đi, có người bực mình tự-tử. Các báo Nhật hễ tỏ ý phản-kháng là bị đóng cửa.

Nhật cố đánh gấp, Nhật muốn nuốt đất Tàu trong ba giờ!

Chính phủ Nam-kinh đã chia công việc: Dương-Kinh tổng-chỉ-huy Quảng châu đi tiễu-cộng Giang-tây, Tưởng-giới-Thạch đi hỏi tội Mẫn-Mông, Phùng-ngọc-Tường thì đương đầu kháng-cự quân lùn.

Uông-tinh-Vệ kêu: «...Cần có lòng quả-quyết rất lớn và sự hi-sinh rất lớn mới có thể có được cái kết-quả sau cùng. Rút-rát đánh rằng không được, mà chỉ hung-hăng hão cũng không nên.... Trên thế-giới, có đội quân có thể thua, chứ không có dân nước có thể mất....»

Chính-sách của Uông là vừa đề-kháng vừa giao-thiệp.

. . . . . .

Trên miền bắc, Liên-quân Cát-lâm ở Tân-huyện cùng đội quân Hắc-Long-Giang đoàn-kết. Vì đạo quân 19 liều chết kích-thích lòng dân toàn-quốc, nên dân chúng rất hăng hái đầu-quân. Đoàn Nghĩa-dũng ở Sơn-Hải-Quan đã có đến 22 đội dưới quyền Đinh-Siêu, Lý-Đỗ. Còn Mã-chiếm-Sơn? Có tin địch sác rằng Mã bị ám-sát rồi. Người Tàu nói: tại Mã phản-đối việc bàn Phổ-Nghi mà bị người Nhật mưu hại. Nhưng biết đâu chẳng vì Mã về bè với Nhật mà bị người Tàu giết đi? Mã trước hăng-hái thế, sau lại về Mông-Mẫn, biết đâu chẳng có điều bí-mật ở trong.

. . . . . .

Từ ngày có phong-trào bài Nhật ở Tàu, kinh-tế Nhật bị lung-lay rất dữ, ba phần tư hàng hóa Nhật không có khách mua. Có người bàn: Vạn-quốc muốn cho Nhật phục-tùng, nên thừa dịp đánh vào mặt kinh-tế. Nhưng báo Hotchi đe lại: « Nếu ai khuyên dùng chính sách ấy, tức là không muốn có cuộc thế-giới hòa-bình! » Câu Nhật đáp ông Paul Boncour được quốc-dân Nhật hoan nghênh lắm.

Ông John Simon, ngoại-giao Anh tuyên-bố sẽ hết sức giúp thế-lục hội Vạn-quốc, mà ông Hoover nước Mỹ thì lại phản-kháng sự đề-chế Nhật. Nhưng mới đây, vợ chồng viên phó lãnh-sự Mỹ ở Thượng-hải bị quân Nhật đánh, không biết ông Hoover nghĩ sao?

Có tin đồn nhầm rằng Pháp đã giúp Nhật nhiều khí-giới đạn dược, tuy Pháp đã nhiều lần cải-chính, mà mấy tờ báo ở nước ngoài cứ nhai-nhải nói hoài!

Hiện nay ủy-ban điều-tra của hội Vạn-quốc đã tới Nhật, được tiếp-đãi rất trọng-thể.

Liệt-cường vẫn ra công giảng-hòa.

NÓI THẬT

Cho chúng tôi ngồi riêng!

(Mục này dành riêng cho các bài lai-cảo thuộc về thời-sự, mục-đích muốn bày tỏ những nỗi oan-ức, tán-dương hoặc công-kích những điều gì có ích hay có hại cho phong-hóa và cảnh sinh-hoạt của một số quốc-dân. Những bài nào vì hiềm riêng, bới móc đời tư của cá-nhân, hoặc siểm-nịnh kẻ quyền-thế v. v. xin miễn gửi đến . . . . .)

Đã hai ba đời nay, phố Phủ-Khoái chỉ là một bãi sạy, dân tứ-xứ đến ở quanh phủ-lỵ mới khai-quang ra, nên đất phủ là đất công không dính-dáng gì đến làng sở-tại. Đã hai ba đời nay, dân phố phủ ăn ở riêng với nhau đóng góp riêng với nhau, cũng không dính-dáng gì đến làng sở-tại.

Đến nay, này phố-xá, này nhà tây, nhà lá, này chợ, này trường, dân cư trù-mật lắm! Lại vui hơn nữa vì thuế chợ không có, thuế nhà thuế đất cũng không.

Năm 1922, quan Lê-đình-Lục cho dân-phố được bầu một ban Hương-hội. Thế là phố Phủ-Khoái công-nhiên biệt-lập vậy. Công việc ban Hương-hội đã làm: sây quán chợ, mở đường, lập cây đèn trong phố v.v... Ngày nay phố Phủ đã lớn lắm: nhà trạm, nhà thương, trường học thêm 4 lớp!

Thì đánh đùng một cái, dưới quyền quan Đàm-duy-Huyến, Hội-đồng bị giải-tán năm 1930, phố phủ bị sát nhập vào làng sở-tại

Làng sở-tại? Tức là làng Yên-vỹ, cách đó hàng ngàn thước tây!

Chế-độ thẳng cán: mỗi nóc nhà hạng nhất thuế 3$, hạng nhì thuế 2$, hạng ba thuế 1$, mỗi mẫu đất thuế ba chục bạc! Đến thuế chợ? Được xá! Nhưng, tiền cho thuê quán (cả quán công nữa): quán gạch mỗi người tháng 3 hào, quán lá mỗi người tháng 2 hào, còn cái quán giữa trời 2, 3 xu một buổi. Còn sự canh phòng trong phố? Thì làng Yên-vỹ cách đó hàng ngàn thước tây...

Trên đây chép theo lời một người trong phố phàn-nàn với ký-giả. Việc biện đương kiện-cáo, kết-quả thế nào còn chờ ý-định quan Nguyễn-trần-Mô. Hãy biết hôm tết mới đây, hai bên suýt cùng nhau xung-đột:

— Thế ông chánh-tổng?

— Ông Chánh tốt, nhưng ông là người Yên-vỹ nên không tiện ngăn cấm. Ông xuống ngăn sự xung-đột thì người trong chợ ai mà không sợ?

— Còn quan? theo lời ông Bảng M nói tôi biết, ngài rất chịu khó mở mang...

— Vâng, ngài đã hứa cho phố phủ chúng tôi sẽ được biệt-lập thành một chòm riêng, chắc chẳng chóng thì chày...

P. V.

Dạy pháp-luật cho dân cũng là cách trừ nạn hối-lộ.

Luật-hình

Mấy điều dặn đầu. — Người ta chia các thứ tội ra làm 3 hạng:

1.— Trọng-tội, là tội bị nghĩ-phạt theo hình thi-thể, hoặc gia-nhục (thi-thể là có động chạm đến thân-thể--Gia-nhục là có động chạm đến danh-dự của mình và gia-đình).

2.— Khinh-tội là tội bị nghĩ-phạt theo hình trừng-trị.

3.— Tội vi-cảnh là tội bị nghĩ-phạt theo hình cảnh-sát.

Các hình-phạt thuộc về trọng-tội

1.— Tử-hình (tội chết).

2.— Khổ-sai chung thân (phải làm việc khón học suốt đời).

3.— Phát-lưu (đem đi đầy ở một nơi xa).

4.— Khổ-sai có kỳ hạn (làm việc khó nhọc trong một kỳ hạn).

5.—Cấm-cố (phạt giam riêng một chỗ, không chung với các người bị tội khác về pháp-luật thông-thường).

6.— Đồ-dịch (phạt giam và phải làm việc ở trong ngục).

7.— Phóng-trục (cấm không được tự-do đi về quê quán, phải ở nguyên một chỗ nhất-định, don ghị-định quan Toàn-quyền chỉ-định

Các hình-phạt thuộc về khinh-tội và tội vi-cảnh

1.— Phạt giam có kỳ hạn.

2.— Phạt bạc.

Phụ-hình

Những hình-phạt phụ là:

1.— Tịch-một (chiếm giữ).

2.— Quản thúc (bị quyền hành-chính trông coi).

3.— Mất công-quyền (quyền bỏ vé bầu cử, quyền ứng-tuyển, quyền làm việc trong các công-sở Nhà-nước v.v...)

Tương-hành vi-toại

Tương-hành vi-toại là sự định phạm tội. Người nào mới định phạm tội, mà có chứng-có hiển-nhiên là đã dự-bị thực hành, dẫu chưa kịp làm, hoặc đã làm nhưng không thành, thì cũng phải coi như là đã phạm tội rồi.

Tòng-phạm

Các người tòng-phạm đều phải chịu tội như người chính-phạm.

Tòng-phạm nghĩa là:

1.— Xui người ta phạm tội, hay là cưỡng bách cho người ta phải phạm tội.

2.— Cấp khí giới hay bày mưu cho người phạm tội.

3.— Giúp đỡ cho người chánh-phạm để người ấy dự bị phạm tội, hoặc làm cho dễ phạm tội, hoặc làm cho thành sự phạm tội.

4.— Biết là kẻ gian mà cứ cho trọ trong nhà; cho người chính-phạm mượn đồ mặc; cho ăn; hoặc chỉ dẫn đường lối cho người ấy.

5.— Biết vật đó là vật ăn cướp, trộm cắp, mà cứ cho chứa ở trong nhà.

Nhưng nếu người chính-phạm bị tử-hình thì người tòng-phạm chỉ phải chịu khổ-sai chung-thân thôi.

Các trọng tội, khinh tội đối với trật-tự của công chúng và đối với các chức-dịch

Diễn thuyết, truyền đơn.—Người nào lấy lời nói hay là thư trát để xui một đảng này trong làng chống nhau với đảng kia, hoặc cầm khí giới mà đánh nhau, nếu sự khiêu-khích ấy, không thành-hiệu thì phải phạt giam từ 2 năm đến 5 năm nếu sự khiêu-khích ấy có thành-hiệu mà chưa đến phản-loạn thì phải xử tội phóng-trục.

Nhật-báo, và các bài vở khác.— Người nào đem bày, gửi đi, đem in, hay phân phát những sách vở, yết-thị, cáo-bạch, nhật-báo, kỳ-báo, hay là bài vở viết ra cùng các thứ tranh-ảnh, mà trong những thứ ấy không có để thực họ tên, chức-nghiệp và trú-quán của người làm, người viết và in, thì phải phạt giam từ 6 ngày đến 2 tháng.

Nếu trong các thứ tranh vẽ đã nói ở trên mà có khiêu-khích để người ta phạm tội, thì người làm, người viết, người in, phải phạt giam từ 3 tháng đến 2 năm.

Xuất-bản báo không xin phép.— Bất cứ nhật-báo hay kỳ-báo, không có phép Chính-phủ chuẩn cho thì không được xuất-bản. Trái lệ ấy, phải phạt giam từ 6 ngày đến 3 tháng và phạt bạc từ 5 đồng đến 500 đồng.

Người nào phô-trương, phân-phát hay đệ-tống những bài ca, bản vẽ v. v... mà làm bại-hoại phong-hóa hay làm cho người ta khinh bỉ các đại-biểu công-quyền thì phải phạt bạc từ 7 đồng đến 500 đồng, và phạt giam từ 6 ngày đến 8 tháng.

Hội-họp không xin phép.— Những người dự-hội phải phạt giam từ 6 ngày đến 1 tháng và phạt bạc 7 đồng đến 50 đồng. Người khởi xướng ra sự hội-họp ấy và người cho mượn nhà để làm nơi hội-họp, phải phạt giam từ 6 ngày đến 3 tháng và phạt bạc từ 7 đồng đến 80 đồng.

Tội cáo gian.— Người nào bịa đặt ra một tội để trá-cáo với quan mà xưng rằng tội ấy làm tổn hại cho mình hoặc cho người khác, tuy không nói rõ ai là người phạm, nhưng xét ra người đứng cáo là tự ý bày đặt ra, thì sẽ phải phạt giam từ 6 ngày đến 2 tháng và phạt bạc từ 7 đồng đến 50 đồng.

Nói về việc không chịu nộp thuế

Thuế-thân. — Người nào không chịu nộp thế-thân đúng phép sẽ bị phạt giam từ 6 ngày đến 2 năm và phạt bạc gấp 2 cái số tiền thuế không nộp.

Thuế thổ-trạch. — Người nào không chịu nộp thuế thổ-trạch hay là ẩn lậu không nộp đủ ngạch thuế bất-động-sản thuộc về của sở-hữu của mình, hay là thuộc về của sở-hữu của người khác mà mình ăn hoa-lợi, thì cũng bị tội đồng như điều trên (điều thứ 89 — luật-hình).

Trần-đình-Trúc
Luật-khoa cử-nhân

CHƯƠNG-TRÌNH NĂM NĂM

Chẳng phải cái chương-trình phá giá các hóa-sản vạn-quốc của Tô-Nga, đây chỉ là chương-trình giữ giá của cụ Phán-Thị.

Cụ Phán-Thị phải giữ giá vì cụ vừa làm phán-sự đầu Tòa, vừa được Thị-độc học-sỹ vậy.

Nói đến cái năm cụ năm nhăm, thì ai biết chẳng phải phàn nàn cho cụ! Không thấy cái năm nào mà cụ bị lắm việc rắc rối, phải lo nghĩ như năm ấy. mất ăn, mất ngủ, bạc hẳn một góc đầu đi, sâm banh sữa bò cũng chẳng thiết nữa.

Này nhé! Đầu năm thì vì đẻ khó mà cụ bà tạ-thế, mà từ khi cụ bị đau đớn về nỗi gối lẻ chăn đơn, cụ chẳng biết đổ tại số trời đã định để đỡ hối-hận, cụ lại đổ ngay cho cụ chẳng biết thương vợ, già nua tuổi tác thế mà hãy còn bị cụ dùng mãi để đến nỗi chết oan.

Rồi cái cậu con trai, cũng lẹm cằm tẹt mũi giống cụ như đúc, quặt-quẹo luôn, thay bao nhiêu vú mà vẫn gầy, vẫn khóc, vẫn chẳng chịu bú. Mãi rồi đến con vú sau cùng mới thấy hợp, mà cái may rủi đôi, con vú hợp cả cho cụ, hợp cả cho cụ, vì con vú ấy biết chữa cả chân sai khớp nữa.

Cụ Phán nhà hay sai khớp lắm; thỉnh thoảng ở tòa ra đường phẳng phiu hẳn hoi, mà bất thình-lình, khuỵu chân một cái, thế là ngã đồng kềnh ra, không đi được nữa. Mọi khi bóp thuốc tây thì mất đến hàng tuần lễ mới nguyên lành như cũ. Mà tài đáo để, con vú em này, chẳng đỗ đốc-tơ, chẳng bóp thuốc men gì cả, nó cầm chân cụ, lắc đi lắc lại, rồi khục mạnh một cái, thế là xương vào khớp lúc nào không biết, chẳng đau đớn gì.

Thằng chồng con vú em, nó thấy cụ già cả, vả lại danh-giá, cho nên nó tin cụ mà để vợ ở với cụ, nó cũng yên tâm; nhưng rồi thế quái nào, cụ cứ quen mui, sai khớp chân mãi, rồi tỷ toảy thế nào đến nỗi con bé chửa! Ấy mới rầy chứ!

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

Con vú em thế, không trách cụ chết với nó cũng phải. Nó mới có hai mươi tuổi đầu, mà lúc nào cũng nhí nhảnh như trẻ con. Lắm lúc cụ ngắm nó, lại thấy cái mắt nó đa-tình lại thấy cái miệng nó tươi lạ!

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

Cụ thấy con vú em nói nó đã nhâm thần thì cụ cũng khôn, lập ngay mẹo để lừa chồng nó. Cho nên thỉnh thoảng cụ cho phép nó về nhà nó luôn, và dặn kỹ rằng phải đùa bỡn với chồng luôn mới được.

Nhưng đến cuối tháng chạp năm ấy khi con vú em đẻ, thì thằng chồng chẳng biết ai xui, lên bắt đền ngay cụ. Cụ thấy nó láo, tức quá, mắng mãi. Nó bảo rằng nếu vợ nó chửa với nó thì đến tháng sau mới là tháng đẻ kia, cụ gắt:

— Chính tao đây, mẹ tao cũng chỉ có mang tao có hơn tám tháng thì sao?

Cụ nói quả-quyết hình như cụ đã trông thấy đích xác như thế vậy, Nhưng rồi nó viện lẽ khác, là đứa bé giống cụ, thì cụ cho là vô-lý, nhưng nghĩ một lúc, cụ bảo:

— Nó giống tao vì có hai mắt, một mũi, một mồm, hai tai à? Vả chăng, nếu thật đứa bé có cái gì giống tao, thì cũng là việc thường! Mày chả thấy những trẻ con thường hay giống khuôn mặt vú em là gì đấy? Vì cả ngày vợ mày nó nhìn thấy tao, thì con mày nó cũng giống tao chứ sao? Có chi là lạ? Người ta muốn lấy ngựa con sắc lông gì, thì người ta nhốt con ngựa mẹ vào một cái buồng cũng sơn mùi ấy, để cho nó trông luôn luôn ở trước mắt; mày ít học cho nên không hiểu cái nhẽ đó. Người Tây hay treo ảnh những vĩ-nhân trong buồng ngủ, người Nhật hay gián tranh những đứa bé con mũm-mĩm trên tường, những cái tranh hai hào một chiếc vẫn thấy bán ở ngoài phố, mày có biết không? Bà gì ngày xưa bên Tàu, đẻ ra Văn-vương nuôi cái thai ngay từ trong bụng; như thế, các nước Văn-minh người ta muốn được con giống ai, thì người ta cố làm cho kỳ được, mày không học, cho nên không biết đấy mà thôi.

Thằng khốn nạn thấy cụ nói lăng-băng, chẳng biết là thật có thế hay là cụ bịa, nó không tin cứ nằng-nặc mời cụ về tận nhà nó mà xem qua đứa bé. Bất-đắc-dĩ cụ phải theo cho xong việc.

Nhưng rồi, cụ thoạt thấy mồm đứa bé, cụ rật nẩy mình! Thì ra cái mồm ấy tuy chưa biết nói nhưng đã biết mách! Hẳn là cái cằm lẹm của cụ, đích lắm rồi, giá cắm thêm vài cái râu nửa đen nửa bạc thì hẳn cụ mất nói. Cụ nhìn cái cằm thằng chồng con vú em xem có lẹm tý nào không để cãi, thì ra không; cằm nó tròn, chả đời nào hai vợ chồng nhà này công-ty mà lại chế-tạo nổi được cái cằm vô-song ấy.

Cụ liền dọa già nó, nếu làm mất danh-giá cụ thì cụ chẳng để yên. Nhưng thằng này chẳng nghe, nhất định đổ riệt cho là con cụ, rồi nó đuổi vợ nó đi, và đe đi kiện cụ.

Bất-đắc-dĩ ra giêng cụ phải thu xếp với thằng bướng-bỉnh ấy cho câu chuyện được êm; rồi cụ gọi vợ nó đến nhà, và dặn riêng rằng:

— Chớ lộ cho ai biết, thì năm năm nữa, mày về nhà quê tao, tao sẽ thu xếp cho một nơi mà làm ăn no ấm suốt đời.

Từ đó, cụ nghe việc ấy được êm và kín, nhưng mỗi khi sai khớp, cụ lại phải dùng thuốc Tây.

. . .

Năm sáu, năm bẩy, năm tám,

năm chín, sáu mươi, cụ Phán-Thị về hưu-trí.

Nhưng hưu-trí là hưu-trí công việc nhà nước. Từ năm cụ năm sáu, cụ về làng luôn làm nhiều công việc tốt lắm, mà đối với ai cũng ra ý thân mật, kẻ nghèo thường được cụ giúp-đỡ, kẻ yếu thường được cụ bênh-vực, cho nên bây giờ cụ vui cảnh già ở nơi thôn quê, thời người lang muốn tỏ lòng biết ơn, mời cụ ra làm ngay chánh-hương-hội. Cụ chẳng từ chối các chức trách có thể làm ích-lợi cho dân.

Nói đúng ra, vả cũng nên khen cụ, từ năm năm trước đến giờ, cụ làm nhiều việc có ích lắm, nào sây đường, náo khoi cống, nào xin mở trường, v. v. Nhưng một công việc to hơn hết, mà từ khi làm chánh-hội, cụ bắt đầu làm ngay, là việc tu-bổ cái Ấu-trĩ-viên giáp cạnh nhà cụ. Cái Ấu-trĩ-viên này sẽ làm cho cái tên cụ bất-tử; nhưng cũng đáng công lắm, vì cụ đã tự xuất tài xuất lực ra để giống-giả con em, hiểu dụ mãi người làng, mới được cái việc công-ích này vậy.

Nguyên độ hơn mười năm nay, quan huyện phụ mẫu hạt cụ, có theo gương nhiệt thành của các quan bạn, lợp nên ở làng cụ cái Ấu-trĩ-viên.

Cái vườn ấy ở vào khoảng đất rất khéo trọn, vì nó kè kè ngay bên cạnh đường cái ô-tô, cho nên ai đi qua cũng phải dừng bước lai xem, hoặc quay cổ lại nhìn mà tấm tắc khen một làng văn-minh tân-tiến. Cái vườn ấy rộng ước non nửa mẫu, chung quanh có bờ rào găng ruối xen nhau, lúc nào cũng xén nhẵn thín như đầu cạo. Trong vườn thì bồn hoa cây cảnh, bốn mùa đua tươi; lối đi ngoằn nghoèo bằng gạch nện nhỏ hai bên giồng bàng sòe ra như lũ lọng để đón tiếp khách qua đường; giữa bãi cỏ to phẳng lỳ như bức thảm bằng nhung xanh dờn dợn, có giồng mấy cột, giây đu, giây leo, vòng lộn, rủ xuống tận đất như cũng muốn giơ tay đón lấy lũ trẻ thơ. Giữa vườn thì là một cái nhà lợp ngói con con, có cửa kính khóa trong để các đồ chơi như giày kéo, cầu tung, cà kheo, vòng sắt; đứng sừng sững ở giữa, tuy mỏng mảnh nhưng oai vệ, là một cái bia đá khắc chữ quốc-ngữ, mặt trước kể tên và công-đức quan huyện đã sốt sắng khai-hóa cho dân, nghĩ đến tương-lai của bọn trẻ, mặt sau ca-tụng bụng tốt của các nhà hào hiệp đã cúng tiền vào cái ấu-trĩ-viên này.

Mấy tuần lễ đầu, trẻ con, mà cả người lớn nữa, đua nhau ra đấy chơi, thực là sầm-uất. Thấy một món mới chưa từng có ở nhà quê bao giờ, cho nên nhiều người lui tới, mà người bảo-mẫu trăm-trút trông nom, trẻ con yêu mến như mẹ. Quan huyện hay về, thầy chánh hay đến, cái Ấu-trĩ-viên thật có vẻ hoạt-động. Hân-hạnh nhất cho dân làng, là thỉnh-thoảng lại được đón rước các vị thượng-quan các khách du-lịch ở phương xa, người đến chụp ảnh, kẻ đến quay phim, bởi vậy, tuy tốn kém mất nhiều ít về sự thù tiếp, nhưng cái tên làng từ đó cả xứ biết nên dân sự cũng được thỏa lòng.

Nhưng rồi chẳng bao lâu, bờ rào găng um tùm như mớ tóc nhà học-giả, đường đi rác rưởi ngập chân, mà trẻ con đến chơi cũng ít khi gặp bà bảo-mẫu: ông chánh cũng thưa dần sự lui tới, rồi người làng cũng chán nản, chẳng mấy ai bách-bộ tới đó làm chi... Nhiều người thưa ông chánh-hội rằng bà bảo-mẫu đem nuôi gà trong nhà bia, chiếm các đồ chơi cho con mình, nhưng ông chánh-hội xui đến trình chánh-tổng; thày chánh-tổng lại bảo lên kêu quan huyện. Quan huyện truyền việc trẻ con, về làng mà thu xếp lấy, mặc kệ

Thì ra quan huyện trước nhiệt-thành công-ích đã được thăng tri-phủ, mà quan huyện mới được thăng tri-huyện hạng ba, chưa có chân hội Khai-Trí Tiến-Đức vậy.

Rồi đó, năm thì mười họa thỉnh thoảng có những việc đón tiếp, thì kỳ-dịch trong làng nhảo lên, đốc-thúc phu tuần ra cắt cỏ, xén rào, quét đường, thuê bảo-mẫu, bắt trẻ con ra chơi cho đủ lệ. Ấy, cái Ấu-trĩ-viên đã từng phen diễn cái tấn kịch trẻ con như thế đấy.

Chẳng phải cầu, rồi cái vườn ấy sẽ tự đổi tên vậy.

Quả vậy, vừa được hai năm tròn thì nó đổi tên là cái vườn chuối. không biết của ai. Găng mọc cao vót, chuối chìa ra đường, các bồn hoa bãi cỏ trước, không còn vết tích nữa, họ cầy bật lên, rồi đánh luống giồng khoai. Những khóm chuối, mọc tốt um như rừng. Phàm những nơi ít người đi lại, không khí u-uất, tối um-um, thì trông lại có vẻ đáng sợ nữa. Người ta đồn nhau là chỗ đất ấy thiêng, có ma, vì một đôi khi vẫn thấy nó hiện lên làm người lập là lập lòe; cho nên những đêm khuya thanh vắng, hoặc tối giời, chẳng mấy ai qua đó mà không rợn tóc gáy. Cũng có người bạo, dám cả gan liều mạng đứng dình, thì quả nhiên thấy có ma thực. Một con ma quần trắng, một con ma quần đen, đi sát vào nhau, chui lách qua các bụi chuối sột sạt, thỉnh thoảng có lòe ra những tia sáng như đèn điện bấm. Cứ lắng tai mà nghe, thì thấy hai con ma ấy nói chuyện với nhau, lúc cười khanh khách, lúc vật huỳnh-huỵch; tiếng hai con ma nghe rõ lắm, mà chúng nó bợm quá, bắt trước tiếng và giọng của những giai chưa vợ gái chưa chồng trong làng sao mà hệt thế!

Ban ngày thì những người ăn mặc tử tế, có tính sạch sẽ, không ai dám mạo-hiểm vào xem, sợ mất thì giờ gột giầy, vì mấy con chó nhà hàng xóm được chỗ tiện, vẫn kéo nhau sang phóng uế. Nhưng giá cứ nhìn xuống đất mà đi cho cẩn thận, thì ta cũng đến được cái nhà bia ở giữa. Cái nhà ấy, làm mới được có hai năm, nhưng tường vôi đã nứt, mái ngói đã sụt, mà cửa thì long cả cánh. Lạ nhất là cái bia kỷ-niệm kia, chẳng biết tự bao giờ, đã bị vật oạch xuống đất, nằm thẳng cẳng như cái phản. Bên cái bia, ta còn nhận thấy giăm ba bãi quết giầu chưa đen.

Nhưng mà từ khi cụ Phán-Thị về hưu, cụ quyết chẳng để cho cái Ấu-trĩ-viên đeo mãi cái dấu thương tâm ấy.

Cụ chê các quan chỉ biết dựng lên đó để lợi-dụng làm cái cầu bay nhẩy, chứ chẳng tìm phương kế để duy trì sự-ích lợi cho dân; cho nên cụ nhất định sửa sang lại.

Ông quan trong làng, bao giờ

cũng có thế-lực to hơn ông quan phụ mẫu, bởi vậy cụ mời ngay những bậc tai mắt trong làng đến sơi rượu và bàn việc.

Nghe cụ hiểu-dụ các việc công-ích, ai ai cũng đều thỏa thuận, chính cụ lại xuất của ra để phụ-cấp cho làng, lấy tiền tu-bổ lại ấu-trĩ-viên. Dân làng thấy năm năm nay, cụ chăm chút công việc hàng xã, đều lấy làm kính phục, rồi người xuất công, người cúng của, tất lực giúp cụ để cụ được vui lòng. Khi cái ấu-trĩ-viên ấy khánh-thành, họ xin lấy tên cụ mà đặt tên để kỷ-niệm.

Từ đó cái vườn làng lại sầm uất như cũ, hoa lại cười, cỏ lại nhẩy, cây cối lại đủ đởn với lũ trẻ thơ. Cụ Phán lại nhân mở cổng hậu để đi thông sang cho tiện.

Việc tìm người bảo-mẫu mới thực là khó đây! Việc này cụ nói là muốn cho rất công - bình mới được, phải tìm người cẩn thận mới có thể giao phó công việc nặng-nề là thay quyền mẹ được. Cụ nói:

— Không kể tiền tôi giúp, lần này làng ta cũng tốn kém mất ngót nghìn, vậy muốn duy - trì cho lâu bền về sau, làng ta nên trích ra mấy mẫu ruộng công-điền, giao cho người bảo mẫu, để làm tiền lương, và để hàng năm tu bổ; lại nên làm cho người ấy cái nhà ngay ở đấy để coi sóc cho tiện.

Câu nói hay bao giờ cũng được vỗ tay, cho nên dân làng hoan - nghênh nga · cái ý-kiến ấy. Có lợi trông thấy, nhiều đàn bà góa trong làng chạy chọt xin chân bảo - mẫu. Người thì cụ chê già, chậm-chạp, không coi suể bọn trẻ nhanh như cắt, cái tên. Người thì cụ chê nét mặt khi buồn, không hợp với tính-tình con trẻ, lúc nào cũng hớn - hở như mùa xuân bóng nắng; nhưng chiều lòng, cụ cũng cho làm tạm ít lâu ý cụ không muốn dùng người làng, vì tất rồi không coi trẻ được bình đẳng, hẳn là thiên-vị. Cụ đang chờ thì may quá, có một người tự xưng là bà lang không biết ai mách, hỏi thăm ngay đến nhà cụ và xin việc.

Người ấy độ hăm nhăm, nét mặt vui vẻ, con mắt tinh nhanh trắng trẻo, tròn trĩnh; Người ấy chẳng biết là trong làng đương kén bảo-mẫu thì được cụ bảo trước ngay và bồ cho vào chân ấy.

* * *

Từ ngày có người bảo-mẫu thực-thụ coi ấu-trĩ-viên, thì mỗi khi chiều giời êm-ả hoặc u-ám mưa rầm, nghĩa là có vẻ gợi cơn sầu một chút thì ăn cơm chiều xong, cụ Phán-Thị lại đi bách bộ trên hiên, mà động đi bách bộ như thế, thì tất là đến vòng thứ năm cụ lại lăn kềnh ra nhăn mặt co chân, kêu rầm lên là sai khớp!....

Nguyễn-Công-Hoan



Vàng của nước Pháp

Hiện nay, trong tay nước Pháp có một phần năm số vàng của thế-giới, cũng chẳng kém Hoa-kỳ là bao nhiêu.

Các nước trông thấy mà thèm!

Nhưng «vàng, chẳng phải nhờ sự bạo-động, cướp giật mà có, cũng không phải nhờ sự buôn bán trục lợi rất khả-ố mà có. Vàng, tức là cái kết - quả của sự cần-cù làm-lụng... Cao hơn nữa, vàng chính là tiêu-biểu cái mình có thừa.»

Ta cứ xem nết cần-kiệm của nhnững người Pháp ở đây thì biết!

Giữa lúc này kinh-tế thế-giới đương bị lung-lay dữ, dân Pháp chỉ nhờ cái nết khôn-ngoan của mình, mà ngồi được yên ổn, đứng được vững vàng. Không những thế mà thôi, nước Pháp còn là một ông chủ nợ có thế nữa. Cho bạn cũ vay, cho cả kẻ thù vay... Ngoại-tướng Hoa-kỳ từ Âu-châu về, tuyên-bố ở Hoa-thịnh-đốn: «Cái thìa-khóa mở mọi việc khó khăn chính ở Ba-lê vậy».

Các nước trông thấy mà thèm!

Nhưng, đống vàng chất ở Ba-lê là vàng của tất cả các nước trên thế-giới đem lại «gửi», như đem vào cái «bến cực chắc-chắn», theo lời nhà thông-thái Painlevé! Lúc cái «của gửi» quý-báu ấy, có thể trả về cố-chủ, nước Pháp — vốn ghét thói ích-kỷ — sẽ lấy làm hể-hả trong lòng.

Song, than ôi! đeo bầu mang tiếng thị-phi!.....

Các nước trông thấy mà thèm!

Họ thèm rồi họ tức, họ tức rồi họ nói xấu: những là nước Pháp keo bẩn, nước Pháp có tật vơ-vét tiền bạc; họ còn chế riễu: của-cải chôn ở trong hầm là đồ vô-dụng!

Những lời nói ấy bất-công thay! Pháp mỉm cười.

Rồi xem, nước Pháp sẽ cho Đồng-minh vay, sẽ cho cả nước Đức vay, nhưng trước hết, lẽ tất-nhiên, phải có cái gì làm bảo-đảm để chứng thực rằng món tiền vay không đem dùng để dự-bị một cuộc đại-chiến nữa.

Việt-Anh

THẾ-GIỚI HÒA-BÌNH

Ít lâu, từ trước hồi đại-chiến. Khoa-học mang một mục-đích lớn: giết người!

Ít lâu, từ sau hồi đại-chiến. Nhân-loại hô một tiếng lớn: Thế giới hòa bình! Tài bình! Khoa-học đã ít nhiều xoay phương hướng khác.

Thì chính ở nước Đức, mới đây, «Quang-tuyến duyệt-chiến» từ khe buồng thí-nghiệm của nhà thiếu niên bác sĩ Sinks lóe ra hoàn-cầu. Quang-tuyến ấy chiếu xa được ngoài 20 dặm, chiếu vào chỗ chú-ý bao nhiêu chất nổ đều cháy bùng lên. Máy chiếu quang-tuyến ấy rất sơ sài, mang xách rất tiện.

Bộ hải lục quân nước Mỹ nằn-nì xin mua độc-quyền chế-tạo.

Vẻ-vang thay! nhà khoa-học Sinks năm nay mới 25 tuổi, ông bắt đầu nghiên cứu quang tuyến từ năm 21.

ĐÂU CÓ LẠ-LÙNG!

Jack London
soạn

Trà-sơn
dịch

(*Tiếp theo*)

Cái công-cuộc thi-hành một cách khéo-léo, quả nhiên có công-hiệu. Tuy nước tràn vào đến nửa, mà chiếc xuồng cũng theo làn sóng đưa lên bãi cát ven bờ.

Những người chân chèo liền nhảy cả xuống, rồi viu chặt lấy những cái thang cỗng vườn, họ cố giữ cho chiếc xuồng khỏi bị sóng hút ra.

Chàng Xen-đôn hết sức gọi các tên người nhà ra giúp sức những người mới tới, nhưng, lúc bấy giờ không có đứa nào ở nhà cả. Còn chàng, thì không sao đứng dậy được để mà đi xuống đón khách, đành cứ chịu phép nằm dài ở trên chiếc ghế xích-đu mà dương mắt nhìn.

Người đàn bà ở trên xuồng bước xuống, đứng vịn vào một cái cọc, đưa mắt nhìn vào trong nhà. Chân nàng đi đôi giầy lính-thủy to kếch, bằng cao-su lên đến tận gối. Thỉnh-thoảng, những đám bọt bể lại chàn vào làm ngập cả hai bàn chân đi.

Nàng ngắm-nghía chàng Xen-đôn một hồi lâu ; nói nhỏ mấy tiếng với hai người cầm lái, rồi nàng bước vào lối lên vườn.

Hai người kia đi theo sau nàng. Những người này cao độ sáu sải chân, vai-vóc cũng rộng rãi theo tầm thước ấy. Nước da họ hơi hung-hung chứ không đen như các người mọi ở quần-đảo Sa-lô-mông. Nét mặt trông ra không những không có vẻ thô-bỉ man-dã mà lại đều-đặn, và có chút khả-quan.

Chàng Xen-đôn chực đứng dậy, nhưng vừa ngồi lên được nửa người thì lại ngã xuống, không sao gượng dậy được.

Người đàn bà, hay nói cho đúng, cô thiếu-nữ chèo lên bực mái hiên rồi đi thẳng lại chỗ chàng nằm. Cứ mắt chàng đoán, thì cô ta có vẻ giận giỗi lắm. Đôi mắt biếc của nàng hình như ném ra những tia lửa điện mà cập môi son thì phụng-phịu đầy những nộ khí. Chàng Xen-đôn mới nhìn cũng biết rằng cô này không phải là một « của » vừa.

Cập mắt sáng-quắc của nàng có hẳn biếc không ? Biếc thực nhưng không biếc cả, thỉnh thoảng lại có lộ những hào-quang xanh. Mắt trông to. Lông mày thì cao mà đẹp. Mắt tuy to nhưng vẫn có vẻ dịu-dàng, trông nghiêng thì chong như ngọc.

Nàng đội một cái mũ mục-đồng. Những mớ tóc đen nặng chĩu rủ xuống, cạnh sườn nàng có đeo một cái bao trong đựng khẩu súng lục kiểu Colf nòng dài, đường kính 38 ly.

— Rõ thật trọng khách quá ! Trọng khách đến nỗi người ta chết chìm ngay cửa vườn mà tôn-ông cũng không ra cứu ! Tôi rất ngợi khen cái bụng-giạ của tôn-ông !

Chàng Xen-đôn vừa gượng đứng dậy vừa lẩm bẩm nói :

— Tôi. . . Tôi xin lỗi cô-nương...

Đoán hơi quá, chàng khuỵu chân ngã vật xuống sàn nhà.

Chàng vừa nhìn thấy cái vẻ lo-sợ hiện trên cặp mắt thiếu-nữ, thì chàng thấy đầu óc choáng-váng cảnh-vật xoay tít xung quanh mình. Lần này chàng mới thấy bất-tỉnh-nhân-sự là lần đầu.

Mãi lúc nghe tiếng chiếc chuông lớn, chàng mới sực tỉnh dậy. Chàng mở mắt ra thì đã thấy mình nằm co trên giường ở trong phòng rồi. Đưa mắt nhìn lên chiếc đồng-hồ thì thấy 6 giờ, lại thấy có ánh mặt giời chiếu qua cửa sổ, chàng mới nhận ra là vừa mới 6 giờ sáng.

Chàng có cái cảm-tưởng chắc thế nào cũng có việc bất-thường xảy ra, rồi chàng lấy làm lo-nghĩ.

Sau chàng nhìn thấy một chiếc mũ mục-đồng lớn, mà không phải của chàng, treo ở cái đinh móc trên tường, bên dưới, có cái giầy lưng đạn, bên cạnh, có khẩu súng lục nòng dài.

Trông cái giầy lưng nhẹ nhàng bé nhỏ, biết là đồ dùng của đàn-bà, chàng sực nghĩ ngay đến chiếc xuồng bí-mật và cặp mắt xanh biếc lóng-lánh dưới đôi lông mày lá liễu.

Chắc là chỉ có cô khách lạ ra lệnh cho lắc chuông chứ không còn ai nữa. Sực nghĩ đến công việc đồn-điền chàng ngồi nhổm dậy, nhưng, trong mình bấy còn váng-vất, chàng thấy hình như chiếc màn ở ngay trên đầu vụt cái cuốn lên. Chàng vẫn ngồi nguyên chỗ, nhắm nghiền mắt lại cho óc khỏi choáng-váng, bỗng chàng nghe có tiếng người nói :

— Tôn-ông nằm xuống ! Tôn-ông nằm xuống ngay cho !

Tiếng nói rành rọt mà có vẻ nghiêm-nghị. Cũng trong lúc ấy, lại thấy một cái bàn tay vừa mềm-mại vừa cả-quyết gạt chàng xuống chiếc gối ở đằng sau, còn một tay nữa thì đỡ cho mình chàng khỏi vật mạnh xuống giường.

Thiếu-nữ lại nói :

— Tôn-ông bị đau đã 24 giờ nay, các công việc đã có tôi quản-đốc. Tôn-ông chớ lo buồn làm chi. Công việc trong đồn-điền đâu đã có đó. Khi nào có lời tôi thì xin tôn-ông hãy trở dậy, chớ đừng có trở dậy trước. Nếu tôn-ông có cần dùng thuốc ký-ninh thì có 6 viên đây.

Chàng Xen-đôn cầm lấy 6 viên ký-ninh uống.

Nàng vừa cười vừa nói :

— Được lắm! Tôn-ông thật là một người ốm rất « ngoan »!

Chàng Xen - đôn vừa cất tiếng nói: Tôi sợ... thì cô khách lạ nói át ngay rằng: Tôn-ông không nên nói chuyện, nghĩa là tôn-ông không cần phải dặn-dò gì hết, tôn-ông sợ... Tôn-ông sợ cái nỗi gì? Tôi đã nói với tôn-ông rằng mọi việc đâu có đó rồi kia mà?

— Tuy vậy mà việc đồn-điền...

— Cái việc đồn-điền hãy gác đây. Giá tôn-ông biết đều ra thì tôn-ông hãy lưu-tâm ngay đến tôi, hỏi xem tôi là ai đã. Nếu tôn-ông muốn biết thì tôi xin thuật để tôn - ông nghe. Một người đàn-bà bị đắm tầu lần thứ nhất, đột-nhiên « rơi» vào đảo tôn-ông, cái đó tôn-ông có lấy làm lạ không?

Tôn-ông nên gác hết thảy các sự lo nghĩ về việc đồn-điền « phải gió» kia đi, mà hỏi ngay đến câu chuyện đắm tầu của tôi đã. Tôn-ông xem đó đủ thấy tôi muốn thuật câu chuyện tôi lắm, muốn đến chết đi được.

Chàng Xen - đôn không thế nào nhịn được cười, đã lâu lắm chàng mới lại thấy như thế, chàng lại không thế nào nhịn ngắm - nghía cái nét mặt tươi-cười lanh-lẹn, cái cặp mắt bướng-bỉnh, cái nếp nhăn vừa nhỏ vừa xinh ở khóe môi thiếu-nữ.

Chàng tự-hỏi không biết năm nay nàng bao nhiêu tuổi, rồi chàng nói to lên rằng:

— Thưa vâng. xin cô - nương thuật cho... nhưng, nàng ngẩng đầu lên và cãi:

—Thôi muộn quá rồi! Bây giờ thì tôi chịu không kể chi hết. Vả câu chuyện của tôi, tôi chả cần phải van vỉ, cũng có chán người muốn nghe!

« Về phần tôi, trước hết tôi cần phải biết những công việc thiết-dụng, giờ nào thì phải lắc chuông cho phu đi làm, tôi cũng may mà đoán trúng rồi. Nhưng, còn bao giờ thì họ được nghỉ việc ? Người nhà tôn-ông mà cả mọi người ở đây cũng vậy, họ nói ba-lăng-nhăng tôi nghe không hiểu gì hết ».

— Mười một giờ thì họ nghỉ, để một giờ họ lại đi làm tới sáu giờ.

— Nói thế tôi đủ hiểu, xin đa tạ tôn - ông. Nay tôi muốn biết cái thìa-khóa tủ đựng lương-thực ở đâu? Vì chắc thế nào tôn-ông cũng có đồ hộp. Tôi và người nhà tôi đói bụng lắm rồi.

Chàng Xen-đôn la lên rằng:

— Chết nỗi ! Cô-nương lại lấy đồ hộp của tôi cho tụi mọi đen nhà cô - nương ăn ư? Không được, không được đâu! Để chúng cùng ăn với người nhà tôi cũng được có sao!

Chàng thấy mắt nàng lóng-lánh và vẻ nghiêm-nghị lại hiện ra trên nét mặt, nàng liền cãi :

— Như thế không bao giờ được đâu ! Chính tôi đã thân xuống tận căn chại dơ dáy kia. xem phu của tôn-ông họ ăn mà phát chán ! Chỉ những khoai tây là khoai tây, không còn tý gì khác. Thậm chí đến muối để chấm cũng không có. Khoai tây... Nếu tôi không hiểu sai lời họ nói thì, bất cứ bữa sáng hay bữa tối chủ nhật cũng như ngày dưng. tôn-ông chỉ cho họ ăn có thế thôi ư ?

Chàng Xen - đôn gật đầu cho rằng có thế.

— Người nhà tôi cũng là người như tôi vậy, không khi nào họ chịu ăn như thế lấy một bữa, chứ đừng nói đến 8 ngày !

Thôi thìa khóa đâu ?

— Treo ở chiếc đinh dưới cái đồng-hồ kia.

Nàng ra phía đồng-hồ lấy chiếc thìa khóa, chàng lẩm-bẩm nói :

-- Nước đời nhà ai lại nuôi mọi đen bằng đồ hộp bao giờ ?

Nàng nghe nói liền trở lại tức lộn ruột lên mà nói rằng :

— Người nhà tôi không phải là mọi đen ! Tôn-ông sớm biết điều đó tức là có lợi cho cuộc giao-thiệp của đôi bên sau này. Người nhà tôi toàn là người xứ Ta-hải-ty. Họ rất tốt và can-đảm. So với tụi kia thì một giời một vực... Còn như đồ hộp tôi và họ ăn hết bao nhiêu thì tôi sẽ tính tiền trả. Tôn-ông bất-tất phải lo phiền. Tôi xin tôn-ông là hết. Đang lúc đau-yếu như thế này. tôn-ông lo-phiền làm chi vô-ích ! Vả tôn-ông nên biết nếu tôi không bị bắt-buộc thì thêm một ngày tôi cũng không còn lưu-luyến ở đây làm gì... Tôi lại bắt-buộc phải ở lại đây, cốt là để cho được trông thấy tôn-ông bình-phục trước khi tôi rời chân đi nơi khác. Lương-tâm bắt tôi không được bỏ việc bổn-phận, để một người da trắng ốm nằm đó mà đi cho đành !

Chàng Xen-đôn hỏi:

— Cô-nương người Mỹ có phải không?

Thiếu-nữ luống-cuống một lát rồi khẽ gật đầu ra dáng kiêu-ngạo mà trả lời rằng:

— Thưa vâng... Tôn-ông hỏi câu ấy để làm gì?

— Thưa không để làm gì hết... Tôi hỏi cô-nương câu ấy cốt để cho biết tôi có nhầm hay không đó thôi.

— Tôn-ông chỉ muốn biết có thế thôi ư?

— Thưa vâng, tôi chỉ muốn biết có thế. Tôi đây họ là Xen-đôn, tên là Đa-Vit, chàng giơ tay ra để bắt tay.

Nàng nói :

—Tôi họ là Lạc-lan, tên là Giannê, xin cùng tôn-ông kết tình bè bạn. Nói xong nàng giơ tay bắt tay chàng Xen-đôn.

Chàng Xen - đôn ngượng - nghịu đáp :

— Thưa vâng, từ nay chúng ta sẽ thành bè bạn, chứ còn gì nữa ?

Vậy thì tôi có thể lấy cả đồ hộp cho người nhà tôi, họ muốn ăn bao nhiêu thì ăn nhá ? Thôi tôn - ông bị mắc-cỡ rồi nhá....

— Xin cô-nương cứ việc lấy.

— Đạ-tạ tôn-ông.... Tôn-ông người nước Anh?

— Cô-nương còn nghi đều đó ư?

— Ồ ! không phải thế, không phải thế... thưa tôn-ông. Tôn-ông muốn là người Anh thì tự ý tôn-ông, tôi có bảo sao.

Chàng cau lông mày mím môi lại rồi bật cười sằng sặc. Nàng cũng phải bật cười mà rằng:

— Nước Mỹ và nước Anh có thể giao-hiếu với nhau được, thì chắc sau này chúng ta không đến nỗi «choảng» nhau đấy nhỉ? Thôi tôn-ông hãy rộng khoan cho tôi đi lo cái bữa ăn đã. Tôn ông có muốn sơi gì không?

Chàng lắc đầu,

NÊN BIẾT PHÁP-LUẬT

Ai là người không có lúc phải biết pháp-luật để giữ quyền lợi, để tỏ nỗi oan?

Anh em làm ruộng và đi buôn!

Muốn khỏi phải mắc lừa, biên ngay lấy số nhà sau này, để mách giúp bà con, vì tờ cáo bạch này sắp hết.

Số 16 phố Hà-Trung
(ngõ Trạm cũ) Hanoi

Sở cố-vấn pháp-luật ông Joseph Trần-đình-Trúc, LUẬT-KHOA CỬ-NHÂN trường Đại-học Paris.

1. Giúp việc kiện cáo, làm các đơn từ, đòi hộ công nợ.
2. Thay quyền nhà buôn, làm sổ sách, làm quảng cáo kiểu Hoa-kỳ.
3. Quản lý nhà cho thuê và đồn-điền.

Ở xa muốn làm đơn từ

bằng chữ Tây, cứ viết thư đến bản sở.

Hỏi pháp-luật và nhờ cắt nghĩa hộ việc mình cho Trạng-sư Tây hiểu đầu đ ôi dề dễ cãi, không phải giả tiền.

— Phải ăn chứ! Phải ăn chứ! Cái bệnh sốt rét của tôn-ông đã gần khỏi rồi, mà nay mai tất nó phải biến đi hết. Thứ nhất là tôn-ông người còn yếu thì lại cần phải cố ăn một tý, vậy xin tôn-ông hãy chờ tôi đó.

Nàng ở trong phòng chạy ra lối cửa thông vào bếp. Trông theo, chàng Xen-đôn nhìn thấy nàng sổ chân vào đôi dép to kếch sù của mình. Biết ý nàng thẹn đỏ mặt chạy vào bếp mất.

Chàng nói:

— Trời ơi! Nàng vớ cả dép mình nàng đi. Tội nghiệp, nàng không mang theo gì hết, ngoài bộ quần áo bận trong khi lên bờ, thế ra nàng chỉ có mỗi một đôi giầy cao-su để dùng ở trong nhà thôi.

(kỳ sau sẽ tiếp)

Cậu Học-trò đáng phục!

— Thưa ông, hẳn ông biết ông Socrate chứ?

— Có, ông là một vị đại-hiền-triết nước Hi-lạp, Tàu dịch ông là Tô-Cách-Lạp. Ông cũng như đức Khổng tử bên Á-đông ta.

– Vâng, thế ông cũng biết ông Euclide là ai chứ ạ?

Ông khách đỏ mặt đáp:

— Không, cậu nói cho nghe.

Ông Euclide là học-trò ông Socrate, người thành Mégare, ông là tổ-sư môn học ở thành ấy.

— Nhưng sao cậu lại hỏi vơ-vẩn thế?

— Không ạ, thưa ông, tôi muốn kể ông nghe một câu chuyện đó thôi. Nguyên có một độ, dân thành Athènes mang thù với dân thành Mégare, ra lệnh hễ bắt được người thành ấy sang đất mình thì xử tử. Vậy mà cứ tối đến, ông Euclide đầu phủ khăn, mình mặc áo dài đàn bà, ngoài khoác áo tơi, lần sang Athènes để nghe thày giảng, tinh sương lại về. Người ta liều chết đi học còn được, huống chi tôi đi học từ đây xuống trường **Song-thanh** chỉ phải đi bộ có 5, 6 cây số thôi có lấy gì làm khổ?

Thế trường **Song-thanh** ở đâu, cậu?

— Thưa ông, ở ngay *góc đường Jacquin và đường Hòa-Mã, cuối nhà Rượu, đằng sau nghĩa-địa Saigon.*

— Thế ư, thế thì từ nhà tôi ở phố hàng Bò xuống đây cũng không xa mấy. Cứ coi cậu tôi đủ hiểu giá-trị trường cậu học rồi. Để tôi cho mấy em nó xuống học ... Cậu trông nom các em với nhé!

-- Thưa ông, tôi đâu dám ạ.

Ông khách lẩm nhẩm cho nhớ kỹ:

« Trường Song-thanh ở góc phố Hòa-Mã và Jacquin ... »



TIẾNG TĂM

Nội các quan Tổng-trưởng ngoại-quốc qua kinh-đô Hoa-kỳ, có ông Grandi là nhiều người biết tiếng nhất, sau đến ông Laval, rồi cuối cùng mới đến ông Ramsay Mac Donald.

Quý độc-giả chớ tưởng các ông được «tiếng tam lừng-lẫy» là bởi tài hùng-biện hay bởi sự lịch-thiệp đâu. Không, nhiều người biết tiếng các ông là chỉ nhờ ở các bác tài-xế của dinh Tổng-thống, các bác thường được hân-hạnh đưa mấy bậc danh-nhân này đi chơi trong thành-phố.

Cái chỗ xét người của các bác, hẳn chẳng ai còn lạ.

Có gì đâu: Ông Grandi thì cho tài-xế 850 quan; ông Laval chỉ cho có 500 quan; đến ông Mạc Donald thì lại có ý « kiệt » hơn nữa, ông chỉ dúi vào tay bác tài được có 300 quan.

Ấy tiếng tăm các ngài ở đấy!

Vĩnh-Hưng-Tường
là hiệu
bán thuốc bắc lớn nhất
từ Vinh vào đến Huế.

Phòng chữa mắt
Từ-ngọc-Liên
Mới mở

10, phố hàng Đường — Hanoi
chuyên-môn chữa mắt
và bán thuốc đau mắt
Từ-ngọc-Liên rất
hay giá 0$10
và 0$06.

Hiện đã được nhà Nước
cấp bằng thưởng
Diplôme d'honneur

PHỤ-NỮ THỜI-ĐÀM

Cơ-quan hàng ngày

truyền-bá tư-tưởng, bênh-vực quyền-lợi,
xướng-xuất và tán-thành
các công việc bổn phận
của Nữ-giới.

Chủ-nhiệm : **Mme NGUYỄN-VĂN-ĐA**

Báo-Quán : 11-13, Phố sông Tô-Lịch — Hanoi

ĐẠI-QUANG DƯỢC-PHÒNG

47, Phố hàng Đường, 47

HANOI

Giây nói số : 805

Là một hiệu thuốc có tiếng ở Đông-Pháp

Certifié l'insertion l'Administrateur Gérant Ngô-Thuc-DICH — Imp. Trinh-Van-BICH — Hanoi